Động Cổ Sâm - Núi Phân Mao và những liên quan

Trần Việt Bắc

A. Lời tựa (Preface)

Biên giới Việt -Trung đã và đang là một vấn đề được người Việt quan tâm rất nhiều. Người viết là một, nên đã tìm đọc những bài viết về vấn đề biên giới của các tác giả khác nhau, cũng như tham khảo thêm sử sách. Đâu là biên giới Việt - Trung từ khi nước Việt dành lại được độc lập? Biên giới này bị thay đổi ra sao qua những biến thiên của lịch sử? Tuy nhiên càng đọc càng thấy khó hiểu. Vì thế, chính mình cố tìm hiểu thêm và hy vọng nêu lên những điều đã tìm kiếm được để chia xẻ hay góp ý với độc giả, mong rằng chúng ta có thể tìm ra sự thật của lịch sử.

Để có khái niệm về biên giới Việt Trung thời cổ - vùng tiếp giáp với vùng lưỡng Quảng của Trung Quốc, **thì vị trí động Cổ Sâm và núi Phân Mao (Phân Mao Lĩnh) tọa lạc tại đâu là một điều cần tìm hiểu.** Cột đồng Mã Viện có thật hay chỉ là truyền thuyết? Câu hỏi này nên được tra cứu thêm, dù với nghi vấn! Việc phân định biên giới theo công ước Pháp - Thanh năm 1887 cũng đã gặp rất nhiều khó khăn, vì chúng ta đã không biết vị trí của động Cổ Sâm và núi Phân Mao. Việc này đã làm Việt Nam mất đi khá nhiều đất đai; vùng phía đông của tỉnh Quảng Ninh ngày nay!

Bài viết này đặt trọng tâm về việc truy tìm vị trí của hai địa danh động Cổ Sâm và núi Phân Mao, cũng như cố tìm hiểu thêm về sự "hư thực" của cột đồng cùng những địa danh liên quan khác. Người viết với ước muốn là những địa danh này được ghi lại trên bản đồ; để hy vọng các bạn trẻ có thể biết qua về vùng lãnh thổ nước Việt trong quá khứ đã bị lãng quên.

Nhiều tác giả đã có những bài viết, nêu ra những tài liệu về việc lấn đất của Trung Quốc bằng những âm mưu khác nhau, đặc biệt bằng cách lấy các địa danh của họ, gán vào nội địa của nước Việt, rồi nói là của Trung Quốc, đưa người sang cư trú, sau đó lấy lý do bảo vệ người rồi đưa quân sang. Nước Việt đã không có những nhà địa lý chuyên môn để vạch ra những gian trá này. Hơn nữa; thời xưa ý niệm về **đường** biên giới chưa có, mà chỉ có ý niệm về **vùng** biên giới, lấy yếu tố thiên nhiên như sông núi để phân định, vì thế những vấn đề tranh cãi đã xảy ra nhiều lần.

Để tìm hiểu hai địa danh động Cổ Sâm và núi Phân Mao, thì vùng ranh giới tỉnh Quảng Ninh của Việt Nam với châu Khâm, cũng như những vùng kế cận thuộc lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) sẽ được tra cứu và trình bày để được xin thêm ý kiến.

Vì cần tra cứu những vùng đất của Trung Quốc; cũng như những sử liệu liên quan, Hán tự đã là một trở ngại lớn cho người viết - một kẻ có sở thích về sử địa nước Việt. Để vượt qua sự khó khăn này, với khả năng Hán văn gần như là "mù chữ" (ngoại trừ hiểu được một số phiên âm Hán Nôm qua truyện võ hiệp của Kim Dung hồi còn trẻ), nên các nhu liệu như "Hansoft", "Hano

Converter ” cũng như tự điển Thiều Chửu đã được tận dụng trong việc tra cứu. Thành thật tri ân những người đã có công cung cấp miễn phí những phương tiện hữu ích này.

Qua những tra cứu, người viết tự đưa ra những tiến trình cho bài viết để có thể đi đến **kết luận tạm thời**:

Phỏng đoán: đặt căn bản trên những tài liệu thu thập, kể cả những truyền thuyết.
Suy đoán: từ sự phỏng đoán cộng thêm với những suy luận và tài liệu bổ túc.
Nhận định: **kết luận tạm thời** qua những tài liệu với suy đoán. Bài viết chỉ cố gắng đi đến "tiến trình" này; hầu có thể có được sự"hợp lý" tương đối.
Xác định: Với những chứng minh rõ ràng
Khẳng định: Có tính cách như định lý trong toán học; với chứng minh và thí nghiệm để kiểm chứng.
Xin đón nhận những ý kiến của các bậc thức giả để học hỏi, sửa sai và hiểu biết thêm.

B. Động Cổ Sâm và núi Phân Mao qua các tài liệu cổ

Phải chấp nhận một vấn đề là sử ký và địa lý thời cổ của Việt Nam đã tham khảo từ sử sách của Trung Quốc khá nhiều, đặc biệt là vấn đề địa dư. Trung Quốc với cách diễn tả về địa hình, khoảng cách đã không rõ ràng, người Việt tham khảo lại những tại liệu này, rồi viết lại về địa dư nước Việt. Vấn đề này càng gây thêm nhiều khó hiểu cho hậu thế chúng ta, hậu quả của ngàn năm bắc thuộc!. Hơn nữa Trung Quốc với mộng “Bành trướng Đại Hán” đã chắc gì đưa ra những tài liệu thật của họ để cho ta tham khảo, hoặc là với âm mưu chiếm đất **bằng cách thay đổi tài liệu hay ngụy tạo tài liệu**? Sự việc này hiện đang xảy ra cho Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam! Chúng ta phải cực kỳ cảnh giác về vấn đề này!

1- Sự khác biệt về việc tham khảo sách Đại Thanh Nhất Thống Chí

Tài liệu tham khảo là sách Đại Thanh Nhất Thống Chí [1] (ĐTNTC) trong các bài viết hiện hành đã thấy có sự khác biệt về khoảng cách từ Khâm Châu đến núi Phân Mao:

a- **“*Sử Liệu biên giới giữa ta và Tàu:***

***Từ cửa Nam Quan đến ải Chi Lăng, Châu Ôn và núi Phân Mao*”**[2]
Của các tác giả: Hà Mai Phương & Lưu Chu Thanh Tao: “*Theo **Đại-Thanh Nhất Thống Chí** [tức bộ địa-dư của Trung-quốc dưới đời nhà Thanh], núi Phân-Mao ở động Cổ-Sâm, cách Khâm-Châu [hay Châu Khâm] **khoảng 3 dặm về phía tây**. Tương-truyền trên đỉnh núi Phân-Mao có thứ cỏ tranh, do ảnh-hưởng của khí-hậu và địa-thế, ngon cỏ tranh ngả theo hai hướng Bắc và Nam cho nên mới có tên gọi là núi Phân-Mao nghĩa là núi có thứ cỏ chia ra làm hai hướng*”.

[1] Đại Thanh Nhất Thống Chí (ĐTNTC) hoàn tất năm Càn Long thứ 15 (1789) sau hai lần tu chính. Lần tu chính thứ 3 bắt đầu từ năm 1811. Năm 1842 là năm chính thức hoàn thành bộ sách này.

[2] http://www.dcvblogs.com/vuhuusan/2007/12/t-ca-namquan-dn-i-chilang-chau.html

b- "*Biên Giới Việt Trung 1885 – 2000*" (BGVT). Của tác giả Trương Nhân Tuấn (TNT), Nhà xuất bản Dũng – Châu 2005. Trang 67: "*Theo **Đại Thanh Nhất Thống Chí*** [3]*大清一統志 thì núi Phân Mao Lĩnh 分茅嶺 tọa lạc tại phía tây huyện - đường Khâm Châu, **cách đây 300 lý và ở trên đường biên giới với Việt Nam**".*

Khoảng cách này cũng đã được tác giả ghi lại trong bài viết "***Lịch sử tranh chấp chủ quyền "L'ENCLAVE PAK-LUNG**...*" [4]: "*Theo Đại Thanh Nhất Thống chí : Phân Mao Lĩnh 分茅嶺 ở về phía Tây huyện đường Khâm Châu, **cách 300 lý và ở trên đường biên giới với Việt Nam**".*

Như đã viết trong ghi chú, tác giả Trương Nhân Tuấn (TNT) đã tham khảo sách ĐTNTC từ bản dịch của ông Devéria, trong quyển "*La Frontière Sino-Annamite – Description géopraphique et ethnographique*" [5] , in năm 1886 tại Paris. Trang 2 viết về Phân Mao Lĩnh (*La montage Fen-mao ling 分茅嶺*) với ghi chú số 1: "*D'après d'autres sources la montagne Fen-maoling serait située à 360 Li à l'ouest de Kin-tcheou. ...*", với câu phiên dịch như tác giả TNT đã viết trong trang 67 (sách BGVT) đã nêu trên [6].

c- Sách Đại Nam Nhất Thống Chí (ĐNNTC)[7] về ĐTNTC

Để tra cứu vấn đề khác biệt về việc tham khảo trong Đại **Thanh** Nhất Thống Chí (ĐTNTC), người viết xin trích dẫn sách ĐNNTC, nhà xuất bản Thuận Hóa, tập 4, trang 8, viết về tỉnh Quảng Yên, như sau: " *Vân Cừ, Kim Tiêu, **Phân Mao** duy Yên Bang". Lời chú thích của Nguyễn Thiên Túng nói: " "Vân Cừ là tên riêng của sông Bạch Đằng; Kim Tiêu là cột đồng; Phân Mao là tên núi". **Đại Thanh Nhất Thống Chí** chép "Đèo Phân Mao ở động **Cổ Sâm**, cách châu*

---

[3] Ghi chú số 13, trang 79: "*Bản dịch của ông Devéria, Đại Thanh Nhất Thống Chí (DTNTC) 大清一統志 (500 quyển, in năm 1764 theo lệnh của vua Càn Long, trọn bộ) , trong quyển La Frontière Sino-Annamite – Description géopraphique et ethnographique (d'après les documents officiels traduits pour la première fois). l'Ecole des Langues Orientales Vivantes xuất bản, Paris năm 1886*".

[4] http://www.talawas.org/?p=18427

[5] Độc giả có thể dùng Google search với tên sách để mua từ Amazon hay đọc trực tiếp trong website dưới đây: http://books.google.com/books?id=QGDdkw250JMC&printsec=frontcover&dq=%22La+Fronti%C3%A8re+Sino-Annamite%22&source=bl&ots=u1YQ5S7DZu&sig=bANJkp2h5rJK9CnbJLdOkLwtixw&hl=en&ei=ljBWTOzIN4K4sQPIwd3aAg&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=4&ved=0CBsQ6AEwAw#v=onepage&q&f=false

[6] Trong bài viết "*Tìm hiểu về Ải Nam-Quan qua một vài tài-liệu nước ngoài*", (Nguồn: http://www.danchu.net/ArticlesChinhLuan/Collection4/TruongNhanTuan4003.htm).
Tác giả Trương Nhân Tuấn viết: *Ghi chú : - "Lý": đơn-vị đo chiều dài, có nhiều trị-số khác nhau. **Đơn-vị lý được Pháp dùng với Tàu để phân-định biên-giới Việt-Trung có chiều dài 560 mét. Lý "bình-thường", dùng trong các sử sách như Đại-Thanh Nhứt Thống Chí có chiều dài là 400 mét.** Nhưng trong các bản-đồ do các nhà truyền-giáo Jésuites thiết-lập thì họ sử-dụng đường kinh-tuyến Bắc-Kinh (114° 49' 30''), đơn-vị lý được tính theo hải-lý (mille marin, dặm biển), mỗi hải-lý dài 10 lý. Tức 1 lý vào khoảng 185 mét.*

[7] ĐNNTC nhà xuất bản Thuận Hóa, tập 4, trang 8 viết về tỉnh Quảng Yên

*Khâm **3 dặm** về phía tây". Mã Viện lập cột đồng ở dưới, chia địa giới với nước ta, đỉnh núi sản cỏ tranh, ngọn cỏ chia hướng về nam và bắc, đến nay vẫn thế".*

Núi Phân Mao là nơi Mã Viện dựng cột đồng sau khi thắng Hai Bà Trưng, để phân định ranh giới giữa Giao Chỉ và Hán vào năm 43AD (Truyền thuyết hay sử liệu? Chúng ta sẽ tìm hiểu sau!), cũng như ông ta đã dựng cột đồng tại phía cực nam của Giao Chỉ để phân định ranh giới với Lâm Ấp.

Cùng là những tham khảo từ Đại Thanh Nhất Thống Chí (ĐTNTC), tại sao lại có sự quá khác biệt? Một việc cần nhận xét là sách ĐNNTC của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (thời vua Tự Đức, 1847-1883) đã tham khảo từ ĐTNTC trước khi ông Devéria dịch sách này (ấn bản tại Paris 1886). Trước khi tìm hiểu về vấn đề khác biệt này (3 hay 300 dặm), người viết xin tra cứu về chuẩn điểm cho các địa danh tham chiếu trong ĐTNTC: **huyện đường Khâm châu.**

Ghi chú: *những **địa danh tiếng Việt** với ngoặc có thứ tự như sau: **(Phiên âm Wade/Giles - Hán văn - phiên âm Pinyin).** Phiên âm Wade/Giles được dùng trong sách của ông Devéria.*

2- Vị trí của huyện Khâm Châu (Kin-tcheou - 钦州- Qinzhou).

Huyện Khâm Châu thuộc phủ Liêm Châu (Lien-Tcheou - 廉州 - Lianzhou) thời nhà Thanh. Qua lịch sử, huyện Khâm châu đã được dùng làm điểm chuẩn để định vị trí các địa danh khác, thí dụ như trong ĐTNTC, hoặc trong Địa Dư Chí của Nguyễn Trãi. Vì thế; việc tìm hiểu về vị trí của huyện này qua thời gian là một sự cần thiết. Mã Viện thời Đông Hán cũng đã mang quân qua vùng này để xâm chiếm cổ Việt.

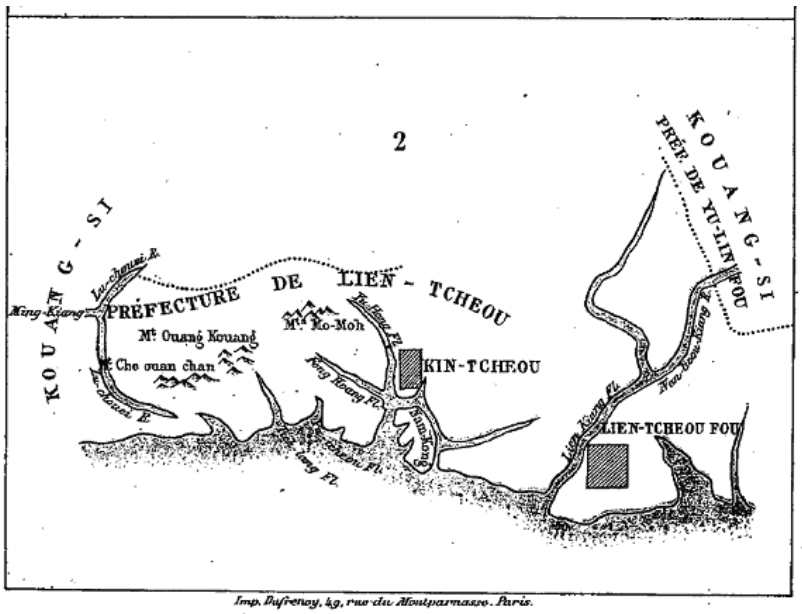

Bản đồ trong sách "La Frontière Sino-Annamite", của Devéria.

Khâm Châu như trong bản dịch ĐTNTC của ông Devéria: "*Kin-tcheou 欽州, lat. 21° 54', long. 106" 07' 45", (hauteurs observées sur place par les missionnaires), est situé à 180 li à l'ouest, un*

*peu au nord, de Lien-tcheou; la frontière annamite en est éloignée de **300 li** à l'ouest et de 240 li au sud'ouest"*. Tác giả TNT đã lược dịch và giải thích như sau: "*Huyện Khâm Châu 欽州, thuộc phủ Liêm Châu 廉州俯 (xưa thuộc tỉnh Quảng Đông, nay thuộc Quảng Tây). Biên giới Việt Nam cách huyện đường **300 dặm** theo hướng Tây và cách 240 dặm theo hướng Tây Nam. Theo bản đồ các nhà truyền giáo Jésuites, tọa độ Khâm Châu: vĩ độ 21° 54' và kinh độ 106° 07' 45'', cách phủ Liêm Châu 180 dặm về phía Tây thiên Bắc*" [8].

Ghi chú :
Sự khác biệt giữa **kinh tuyến Paris** (dùng trong cách tính của các nhà truyền giáo Jésuites - dòng Tên) và **kinh tuyến Greenwich** (tiêu chuẩn ngày nay) là **2°20'14"** (2 độ - 20 phút - 14 giây).
Vị trí của Khâm Châu chuyển qua tọa độ ngày nay:
Kinh độ (longtitude): 108°27'59" (viết cho gọn là **108°28'**) [9]
Vĩ độ (latitude): **21°54'**

Tọa độ của trung tâm thị trấn Khâm châu ngày nay (theo Google Earth):
Kinh độ (longtitude): 108°37'
Vĩ độ (latitude): 21°59'
Nếu các nhà truyền giáo (dòng Tên) đã ghi lại tọa độ của huyện Khâm Châu một cách tương đối chính xác, thì huyện đường Khâm Châu (trong ĐNNTC) thời xưa, cách trung tâm thị trấn Khâm Châu 18 Km về hướng tây nam và huyện đường nằm tại bờ sông phía tả ngạn sông Mao Lĩnh ngày nay (tên cũ là sông Ngư Hồng - Yu-hong Fl. -漁洪江). (Xin coi bản đồ phía trên).

[8] TRƯƠNG NHÂN TUẤN – "*Lịch Sử tranh chấp chủ quyền "L'ENCLAVE PAK-LUNG"cùng các đảo Vạn Vĩ, Sơn Tâm và Vu Đầu trong vịnh Vạn Xuân*". Nguồn: http://www.talawas.org/?p=18427

[9] Đơn vị đo lường: 1 độ = 1 hải lý (nautical mile) tại xích đạo.
1 phút (cung -arc) = 1 hải lý = 1.85200 Km tại đường xích đạo. Một độ = 1.852 x 60 = 111.12 Km
1 giây (cung - arc) = 308.67 m

Tọa độ huyện Khâm Châu theo các nhà truyền giáo dòng Tên (bản đồ từ Google Earth)

Rất có thể các nhà truyền gíao đã **đúng** khi xác định tọa độ của huyện Khâm Châu hồi thế kỷ 17 - 18. Chúng ta sẽ so sánh với các tài liệu khác để kiểm chứng lại vấn đề này. Nhận xét sơ khởi là thị trấn Khâm Châu ngày nay nằm cách bờ biển khá xa (khoảng 7Km), không tiện cho thuyền bè khi phương tiện chuyên chở còn thô sơ. Thời nhà Minh, giữa thế kỷ 16, Nụy khấu (hải tặc người Nhật) hoành hành tại các vùng biển phía nam Trung Hoa. Triều đình nhà Minh đã có lệnh di dân tại những vùng thường bị hải tặc uy hiếp vào sâu trong đất liền. Vùng biển này nổi tiếng là nơi có hải tặc tập trung, huyện đường Khâm châu có lẽ cũng đã phải di chuyển vào sâu trong đất liền.

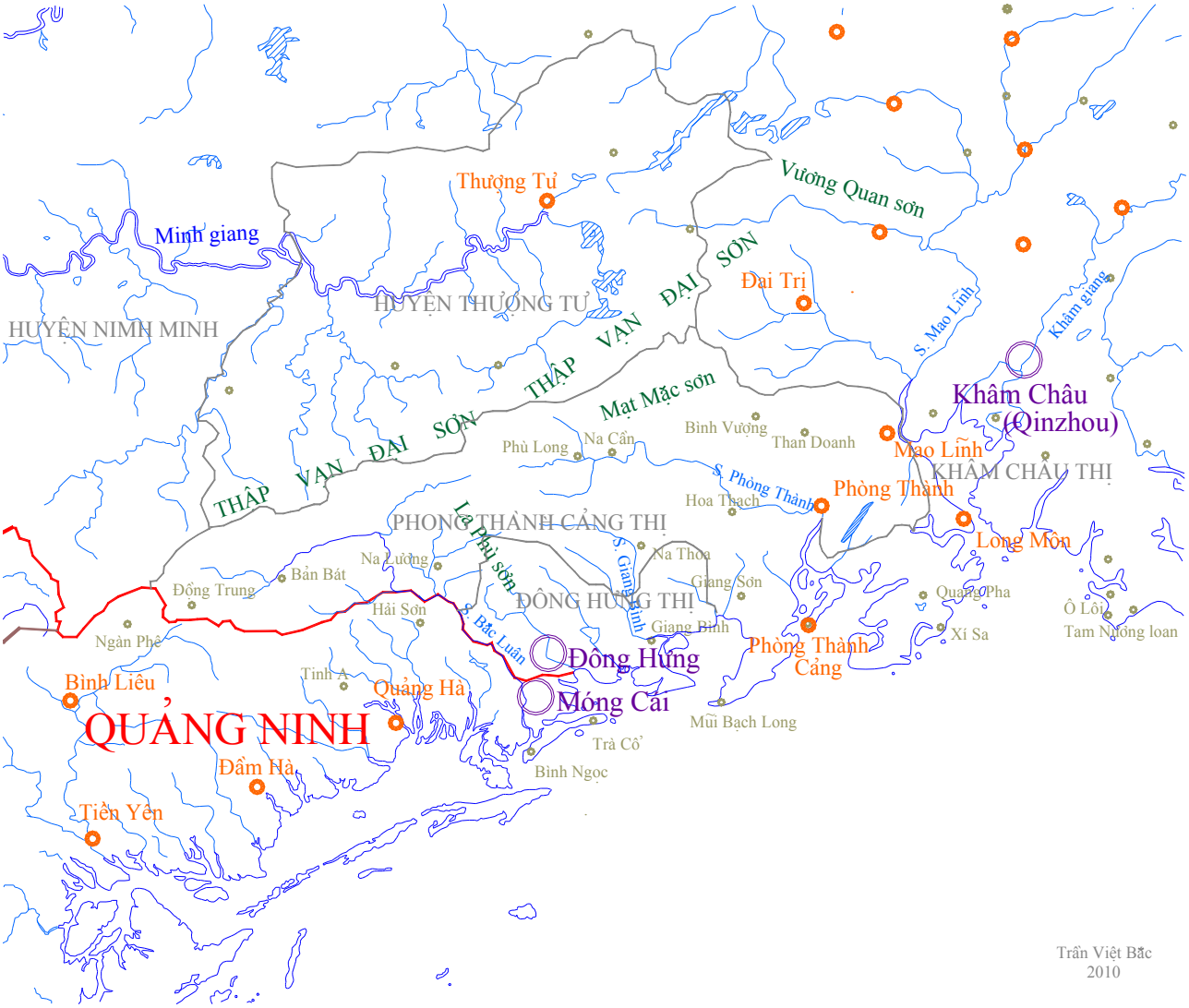

Bản đồ vùng đất giữa tỉnh Quảng Ninh (VN) đến Khâm Châu (TQ)

3- Sông, núi và các cửa ải thuộc huyện Khâm Châu

Những địa danh trong Đại Thanh Nhất Thống Chí thuộc huyện Khâm Châu, trích từ các đoạn phiên dịch; cũng như giải thích trong sách "*La Frontière Sino-Annamite. ...*" của Devéria. Người viết xin tóm tắt như sau:

a- Các rặng núi vùng biên giới vùng Khâm Châu

Gồm các rặng núi:
La Phù sơn *(Lô-feou chan - 羅 桴山 - Luofu shan)*
Thập Vạn sơn *(Che-ouan chan - 十 萬山 - Shiwan dashan)* hay Thập Vạn Đại sơn
Bà Dương lĩnh *(Pa-yang ling - 笆羊嶺- Payang ling)*
Vương Quang Sơn *(Ouang-kouang chan -王光山 - Wangguang shan)*
Mặc Mạt sơn *(Mo-moh chan - 墨抹山 - Meima shan)*
Phân Mao lĩnh *(Fen-mao ling -分 茅 嶺 - Fenmao ling)*

Vị trí của Phân Mao lĩnh là một trong những vấn đề chính sẽ được tra cứu trong bài viết này.

b- Các cửa ải tại biên giới (từ Khâm Châu sang Việt Nam)

Gồm các ải sau:
Ải Ná Tô *(Na-sou ai - 那蘇隘 - Nasu ai)*
Ải Nhẫm Quân *(Jen-kium ai - 稔均縊 - Renshao ai)*
Ải Ná Long *(Na-long ai - 那隆縊 - Nalong ai)*

c- Sông ngòi vùng Khâm Châu

Gồm có các sông:
Thiếp Lãng giang (*Tieh-lang kiang - 貼朗江 - Tielang jiang*).

Phòng Thành giang (*Fang-tch'eng kiang - 防城江- Fangcheng jiang*)
Ngư Hồng giang *(Yu-hong kiang -洪漁 -Yuhong)*
Sông Phụng Hoàng *(Fong-hoang - 鳳凰洲 - Fenghuang*
Sông Ná Lãng *(Na-lang - 那埌遐- Nalang)*
Đoàn Lãng giang *(Touan-lang kiang - 團浪江 - Tuanlang jiang)*
Sông Ngư Châu *(Yu-tcheou -漁洲- Yuzhou)*
Minh Giang *(Ming-kiang - 明江 - Ming jiang)*
Long Thủy *(Long-chouei - 龍水 - Long shui)*

Những sông này sẽ được tra cứu thêm trong phần sau.

4 - Động Cổ Sâm, núi Phân Mao và cột đồng qua sử liệu

Để có thể **truy tìm hai địa danh này**, người viết xin trích dẫn sử liệu, cũng như tài liệu cổ về địa dư, để chúng ta cùng có một ý niệm khái quát về hai địa danh cùng với cột đồng "bí ẩn" này.

a- Tài liệu cổ của Việt Nam

An Nam Chí Lược (1335) của Lê Trắc (Tắc)

"*Năm Kiến-Võ thứ 16 (40 sau công nguyên), đời vua Hán Quang-Võ, có người đàn bà Giao-Chỉ tên là Trưng-Trắc làm phản, năm thứ 19 (43AD), sai Mã-Viện qua đánh dẹp yên, rồi dựng trụ đồng để làm giới hạn nhà Hán. ... Đời nhà Đường, Mã-Tống làm chức An-nam đô-hộ, lại dựng hai cái trụ đồng, vì Tống là con cháu của Phục-Ba. Xưa có truyền lại rằng: ở nơi* ***động Cổ-Sum, tại Khâm- Châu*** *có cái* ***cột đồng*** *của Mã-Viện và lời thề rằng: "Hễ cái trụ đồng nầy gãy, thì nước Giao-Chỉ tiêu-diệt", vì thế, người Giao-Châu, mỗi khi đi ngang qua đều lấy đá, ngói, ném vào dưới chân cột đồng, nên chẳngbao lâu, nơi ấy hóa thành gò.*
Đỗ-Phủ có câu thơ rằng: "Vũ lai đồng trụ bắc, ý tẩy Phục-Ba quân" nghĩa là: "mưa phía Bắc đồng trụ, muốn rửa quân Phục-Ba".
Ở ***cương-giới nước Chiêm-Thành cũng có cột đồng****. Mạnh-Hạo-Nhiên có câu thi: "Đồng trụ Nhật-Nam đoan", nghĩa là cột đồng đứng đầu đất Nhật-Nam*". ...
Mã-Tống
Tự là Nguyên-Hội. Trong năm Nguyên-Hoà[10]*, Đường Hiến-Tông....* ***Mã-Tổng dựng cột đồng ghi công đức nhà Đường để tỏ rằng Tổng là giòng dõi của Phục-Ba."***
.

Đại Việt Sử Lược (1377 -1388) của tác giả Khuyết danh

"*... Mã Viện dựng* ***trụ đồng*** *làm ranh giới cuối cùng (của nhà Đông Hán-ND) chia đất làm hai huyện là Phong Khê và Vọng Hải, lại xây đắp Kiển thành hình tròn như cái tổ kén. Lâm Ấp thua to, bị bắt cắt tai có đến vạn cái. Lưu Phương đuổi đánh nhiều lần đều được thắng lợi cả. Đuổi theo hướng nam, qua* ***trụ đồng*** *của Mã Viện, tới ngày thứ tám thì tới kinh đô của nước Lâm Ấp."*

Sách Dư Địa Chí *(1438)*[11] của Nguyễn Trãi:

"*Vân Cừ, Kim Tiêu, Phân Mao ở về Yên Bang (sau tránh húy đổi làm Yên Quảng). Vân Cừ là tên sông, tên khác của sông Bạch Đằng, Tiền Ngô Vương bắt Hoằng Tháo, Hưng Đạo Vương bắt Ô Mã Nhi đều ở đây.* ***Phân Mao*** *là tên núi, Kim Tiêu là* ***cột đồng****. Ở phía Tây lộ Hải Đông* ***300 dặm*** *có đèo Phân Mao,* ***ở nửa đèo có cột đồng của Mã Viện dựng, lớn chừng ba thước***".

Đại Việt sử ký toàn thư (hoàn tất năm 1697):

---

[10] Đời Đường, năm Nguyên Hòa : 806-820.
[11] Nguồn: đoạn này được trích dẫn trong bài viết "*Đồng trụ nằm ở đâu*" trong trang web "Lý học Đông phương"

"***Kỷ Thuộc Đông Hán***
*Quý Mão, [Trưng Vương, năm thứ 4], [43], (Hán Kiến Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, Trưng Nữ Vương cùng em gái là Nhị chống cự lại với quân nhà Hán, thế cô, đều thua chết. Mã Viện đuổi theo đánh quân còn sót là bọn Đô Dương. Đến huyện Cư Phong thì [bọn Đô Dương] đầu hàng**, [Viện] bèn dựng cột đồng** làm giới hạn cuối cùng của nhà Hán. (**Cột đồng tương truyền ở trên động Cổ Lâu** châu Khâm. Viện có câu thề: "Cột đồng gãy thì Giao Châu diệt". Người Việt ta đi qua dưới cột ấy, thường lấy đá chất vào, thành như gò đống, vì sợ cột ấy gãy. **Mã Tổng nhà Đường lại dựng hai cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán** ghi công đức của Mã Viện để tỏ ra mình là dòng dõi của Phục Ba, nay chưa rõ ở chỗ nào. Hai sông Tả Giang, Hữu Giang mỗi nơi có một cột)*".

Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn (1773):

"*Giữa đỉnh núi Phân Mao ở Khâm Châu có cột đồng to độ hai thước. Có lẽ đây là Mã Tống dựng lên.*"

Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sĩ (1775):

*"... Mã Viện đuổi theo đến huyện Nghinh Phong, quân Bà Trưng phải tan rã. Đất Lĩnh Nam bình định xong, bèn lập **cột đồng ở Lĩnh Nam** để làm cương giới nhà Hán. Mã Viện đặt lại chế độ cũ để ràng buộc dân chúng*".

Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú (1809 - 1819) - Địa dư chí:

"... Viện mới dựng cột đồng ở đất Kiệu Nam để làm địa giới tận cùng của nhà Hán, Lại theo chế độ quận huyện cũ để cai trị...."

"*Lời án : Sách Nhất thống chí của nhà Minh chép **: Cột đồng ở động Cổ Sâm thuộc châu Khâm,** trên có lời thế rằng : " Cột đồng gãy thì Giao Chỉ phải tiêu diệt ". Người nước Việt ta sợ cột đồng gãy nên mỗi khi có ai đi qua dưới cột ấy đều lất đá đắp thêm vào thành ra gò lớn. Châu Khâm ở về phía đông hải phận nước ta. Cách phía tây châu ấy **300 dặm**, có núi **Phân Mao**, ở lưng chừng núi có **cột đồng** cao một trượng hơn hai thước. Vậy mà xét ở sách Thông điển của Đỗ Hựu đời Đường lại nói rằng : " **Cách phía nam nước Lâm Ấp hơn 2000 dặm có cột đồng của Mã Viện dựng lên** ", thế thì cột đồng lại ở ngoài quận Nhật Nam**, không giống như Nhất thống chí của nhà Minh,** chưa rõ sách nào phải. Thiết tưởng lúc bấy giờ dựng cột đồng tất dựng ở chỗ cùng cực phía nam, mà châu Khâm còn gần kề đất Trung Quốc, không lẽ lại dựng mốc giới ở chỗ ấy, **thì cột đồng ở Cổ Sâm, ngờ là người đời sau dựng lên.** Trong khoảng đời Nguyên Hòa [12](806 - 820) , đô hộ là Mã Tổng có dựng **cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán** thì cột đồng ấy có lẽ là Mã Tổng dựng lên mà đời sau bảo là di tích của Phục Ba Tướng quân chăng ? Nay hãy chép ra để tham khảo*".

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (KKĐVSTGCM) của Quốc Sử Quán triều Nguyễn:

---

[12] Nguyên Hòa: Ghi chú số 9: *"Niên hiệu Đường Hiến Tông nhà Đường (TQ), (778 - 820), dùng từ năm 806 đến năm 820"*

*" Mã Viện đuổi đánh tàn quân của hai bà là bọn Đô Dương (chữ "Dương" trong Hán thư chép chữ là dê), đến huyện Cư Phong thì hàng phục được họ. **Mã Viện lập cột đồng để ghi địa giới tận cùng của nhà Hán...***
Nhà Đường dùng Mã Tổng làm đô hộ.
*... **Mã Tổng dựng hai cột đồng**, ghi chép công đức nhà Đường và tỏ ra mình là con cháu Phục Ba (Mã Viện).*

Lời phê: ...
***Cột đồng**: Sách Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chép rằng: Mã Văn Uyên (Mã Viện, tên tự là Văn Uyên), dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cuối cùng của đất phía nam Trung Quốc. Mốc đồng ấy tức là cột đồng. Theo **Tùy sử , Lưu Phương khi đi đánh Lâm Ấp, qua cột đồng của Mã Viện,** đi về phía nam tám ngày thì đến quốc đô Lâm Ấp. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, An Nam đô hộ là **Mã Tổng lại lập hai cột đồng ở chỗ Mã Viện dựng cột đồng trước**, để tỏ ra mình là dòng dõi con cháu Phục Ba . Theo sách **Thông điển của Đỗ Hữu**, từ nước Lâm Ấp đi về phía nam, đi thủy, đi bộ hơn hai nghìn dặm đến đấy có nước Tây Đồ Di là chỗ Mã Viện dựng hai cột đồng để nêu địa giới đấy. Theo Tân Đường thư , ở châu Bôn Đà Lãng của Lâm Ấp, phía Nam là năm bãi lớn, có núi "cột đồng" (đồng trụ sơn), hình núi như cái lọng dựng nghiêng, về phía Tây có nhiều núi đá, phía Đông là biển lớn. Cột đồng đó là do Mã Viện dựng lên . Theo sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, Mã Viện đi đánh Lâm Ấp, đi từ Nhật Nam hơn 400 dặm đến Lâm Ấp, lại đi hơn 20 dặm nữa có nước Tây Đồ Di. Viện đến nước ấy rồi **lập hai cái cột đồng ở nơi phân giới giữa Tượng Lâm và Tây Đồ** Di. Về đường thủy, đi từ Nam Hải hơn 3000 dặm đến Lâm Ấp, rồi đến cột đồng ở Giao Châu phải 5000 dặm nữa. Sách Nhất Thống chí nhà Đại Thanh có chép: **Tương truyền (cột đồng) ở về động Cổ Sâm châu Khâm,** Mã Viện có thề rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", nghĩa là "Cột đồng ấy gãy thì Giao Chỉ bị diệt", nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đống cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gẫy.*

Năm Ất Sửu (605). (Tùy, Dượng đế, năm Đại Nghiệp thứ 1).
Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Tùy cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản156 đạo Hoan Châu, đi đánh Lâm Ấp, phá tan được nước ấy.

Nhâm Thân, năm thứ 15 (1272). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 8; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 9).
*Tháng 4, mùa hạ. Sai viên ngoại lang là Lê Kính Phu sang hội với người nhà Nguyên, biện luận việc cương giới.... Nhà Nguyên sai Ngột Lương sang hỏi giới mốc **đồng trụ** ngày trước, nhà vua phái Lê Kính Phu đi hội đồng khám xét. Kính Phu nói với người nhà Nguyên rằng: "Chỗ **cột đồng do Mã Viện dựng** lên lâu ngày bị chìm lấp, nay không thể biết ở chỗ nào được". Việc đó sau cũng thôi.*

Ất Dậu, năm thứ 5 (1345). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 5)....

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.
*Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành sang hỏi địa giới **cột đồng** ngày trước. Nhà vua sai Phạm Sư Mạnh sang Nguyên biện bạch việc này."*

Phương Đình Địa Dư chí (1900) của Nguyễn Văn Siêu nhà xuất bản Văn Hóa - Thông Tin, trang 214:

"*Xét đến "Lĩnh biểu lục dị" của Lưu Tuân chép:* ***cột đồng*** *của Phục Ba ở cõi Ái Châu. "Minh Chí" chép: ở trên* ***động Cổ Sâm*** *thuộc châu Khâm. "Thanh chí" chép: ở cửa Chấn Nam. Dã sử nói: ở phủ Nam Ninh hai sông tả hữu* [13] *đều có một cột. "Lý sử" chép: vua Thái Tổ năm thứ 2 niên hiệu Thuận Thiên người Mường qua* ***cột đồng*** *đến Kim Hoa Bộ và châu Vị Long*[14] *để buôn bán. ...*
Các sách nói khác nhau xin chép lại cả để tiện tham khảo."

b- Tài liệu cổ của Trung Hoa

Các sách cổ sử của Việt Nam đã dẫn chứng một số tài liệu trong cổ sử của Trung Hoa **nói về cột đồng Mã Viện.** Người viết chỉ xin trích dẫn vài tài liệu gần với thời điểm mà Mã Viện thiết lập nền đô hộ năm 43AD; thời đầu nhà Hậu Hán (25 -225). Đó là sách "*Thủy Kinh chú"* của Lịch Đạo Nguyên (472 - 527), sách này lấy sách "*Thủy Kinh*" (viết vào thời Tam Quốc 220 -265) làm căn bản, cùng với "*Tấn Thư*" viết vào đầu thời Thái Tông Lý Thế Dân (618 - 907) - nhà Đường, và "*Minh Thực Lục*" (sách này nói về vị trí "cột đồng" dù rất mơ hồ).

Thủy Kinh chú sớ, bản dịch của dịch giả Nguyễn Bá Mão, nhà xuất bản Thuận Hóa, trang 394 (trích những câu của Thủ Kinh chú -những chữ in đậm nét - nói về Uất Thủy [15]) quyển 36

"*Sông Uất Thủy lại chảy về phía nam, từ huyện Thọ Linh* [16] *chảy vào biển. Ngày xưa Mã Văn Uyên chất đá làm bờ đê đến sông ngách Tượng Phố, dựng cột kim tiêu làm biên giới cực nam. "Tiên" của Du Ích Kỳ nói: Mã Văn Uyên dựng hai cột đồng ở bờ bắc Lâm Ấp, có 10 gia đình binh lính sót lại không trở về, ở bờ nam Thọ Linh, đối mặt với cột đồng. Tất cả đều lấy họ là Mã, tự kết hôn với nhau, nay co hai trăm hộ. Người Giao châu cho họ là người lưu ngụ, nên gọi là Mã lưu. Ngôn ngữ, ăn uống còn giống với người Hoa. Núi sông dời đổi, cột đồng nay lại ở trong biển, chính nhờ vào những người dân này mà biết được chỗ xưa của cột đồng.*
"Lâm Ấp ký" nói: năm Kiến Vũ thứ 19 (năm 43) ***Mã Viện trồng hai cột đồng ở biên giới phía nam quân Tượng Lâm, ranh giới của nhà Hán với nước Tây Đồ.*** *Người bản địa cho rằng những người lưu ngụ ở đây gọi là Mã lưu, đời đời xưng là con cháu nhà Hán*".

Tấn thư (579 - 648)[17], Chí , Địa lí,
(tác giả Phòng Huyền Linh [18]).

---

[13] "*Sông tả hữu*" là Tả giang và Hữu giang ở Quảng Tây.

[14] Vùng đất thuộc huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang ngày nay

[15] Uất thủy: Thọ Linh giang, hay gọi tắt là Linh giang, sông Giang ở tỉnh Quảng Bình ngày nay. Có thuyết cho rằng Linh giang là sông Hương tỉnh Thừa Thiên - Huế

[16] Huyện Thọ Linh: ngày nay vẫn có địa danh này, thị xã, phía nam sông Gianh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên người viết phỏng đoán đây chỉ là sự trùng tên mà thôi, hoặc là người đời sau đặt tên cho một vùng đất có liên quan đến địa danh Thọ Linh. Tên Thọ Linh dùng trong Thủy Kính chú có khi nhà Tùy chiếm Lâm Ấp (năm 605- do Lưu Phương làm tướng)

[17] Đoạn dịch của dịch giả Tích Dã trong: http://www.viethoc.org/phorum/read.php?10,6822
Nhà Tấn (265 - 420) gồm có Tây Tấn (265 - 316) và Đông Tấn (317- 420)

[18] Tấn thư viết vào thời nhà Đường do Phòng Huyền Linh (579 - 648) chủ biên

"*Tượng Lâm. Tại phía nam huyện này có bốn nước, người ở đây đều nói là con cháu của người Hán, nay có **cột đồng**, cũng là do nhà Hán ở đặt đây làm mốc giới. Cống vàng nạp thuế vậy*".

Tấn thư- Liệt truyện -Tứ Di
Nam Man, Lâm Ấp, Phù Nam
*"Nước Lâm Ấp vốn là huyện Tượng Lâm thời Hán, chính là đất Mã Viện đúc **cột đồng** vậy, đi Nam Hải ba nghìn dặm*".

Minh Thực lục (thời nhà Minh:1368 - 1644)
Đại Minh Thái Tổ Cao Hoàng đế [19] thực lục, quyển 248:

Viết về việc nhà Minh sai Trần Thành và Lã Nhượng đi sứ sang Việt Nam năm ? Để đòi lại phủ Tư Minh do báo cáo của viên thổ quan là Hoàng Quảng Thành [20], vùng này gồm có 5 huyện là Khâu Ôn, Như Ngao, Khánh Viễn, Uyên và Thoát (vùng Lạng Sơn ngày nay), cho đây là vùng này bị Việt Nam xâm chiếm. Đoạn văn nói về vị trí phủ Tư Minh, nói về cột đồng 5 lần: "*phủ Tư Minh do quân Nguyên thiết trí, phía đông đến châu Thượng Tư, phía nam đến "**đồng trụ**", khi nhà Nguyên mang quân đi đánh Giao Chỉ, cách "**đồng trụ**" 100 dặm lập trại Vĩnh Bình [21], bắt dân Giao Chỉ cung cấp quân lương. Nhà Nguyên bị nhiễu loạn* (nv: với những cuộc nổi dậy của Chu Nguyên Chương, Trần Hữu Lượng, v.v...*), người Việt tấn công trại Vĩnh Bình, phá trại và vượt qua cột đồng cả trăm dặm, chiếm châu Tư Minh gồm 5 huyện v. v...*" và viên thổ quan này trình lên bộ Hộ của nhà Minh để xin sai sứ sang Việt Nam điều đình việc trả lại đất [22].

---

c- Tổng kết các tài liệu cổ về động Cổ Sâm, núi Phân Mao và cột đồng

[19] Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương (1328-1398)

[20] Họ Hoàng là một trong 5 thị tộc có thế lực của người Tráng tại Quảng Tây.

[21] ĐVSKTT: " Giáp Tý, /Anh Vũ Chiêu Thắng/ năm thứ 9 [1084] , (Tống Nguyên Phong năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 6, sai thi lang bộ Binh Lê Văn Thịnh đến trại Vĩnh Bình cùng với người Tống bàn việc cương giới." Trại Vĩnh Bình đã có từ trước, toạ lạc tại huyện Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây, kế bên phía đông của huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[22] Phiên âm Hán Việt về Minh Thực Lục:
*"Thập nhị nguyệt Ất Dậu sóc, khiển hành nhân Trần Thành -Lã Nhượng sứ An Nam. Tiên thị, Tư Minh phủ thổ quan tri phủ Hoàng Quảng Thành tấu ngôn: "bản phủ tự cố Nguyên thiết trí Tư Minh châu, hậu cải Tư Minh lộ quân dân tổng quản phủ, sở hạt Tả giang nhất lộ châu huyện động trại đông chí Thượng Tư châu, nam chí **đồng trụ**. Nguyên binh chinh Giao Chỉ, khứ đồng trụ bách lí, lập Vĩnh Bình trại quân dân vạn hộ phủ, trí binh thú thủ, nhi mệnh Giao nhân cung cụ quân hướng. Nguyên quí nhiễu loạn, Giao nhân dĩ binh công phá Vĩnh Bình trại, toại Việt đồng trụ nhị bách dư lí, xâm đoạt Tư Minh thuộc địa Khâu Ô n -Như Ngao -Khánh Viễn - Uyên- Thác đẳng ngũ huyện, bức dân phụ chi, dĩ thị ngũ huyện tuế phú giai lệnh thổ quan đại thâu. Tiền giả, bản phủ thất lí vu trào triều, toại chí Giao nhân xâm bách ích thậm, cập cáo lễ bộ nhiệm thượng thư lập trạm vu Đồng Đăng, Đồng Đăng thực Tư Minh phủ địa, nhi Giao nhân nãi xưng thuộc **đồng trụ** giới. Thần thường cụ tấu, mông triều đình khiển hình bộ thượng thư dương tĩnh hạch thực kỳ sự, huống kim Kiến Vũ chí thượng hữu khả khảo , khất lệnh An Nam dĩ tiền ngũ huyện hoàn thần cựu phong, nhưng chỉ đồng trụ vi giới, thứ sử cương vực phục chính, tuế phú bất hư. Thượng lệnh hộ bộ cụ kỳ sở tấu, khiển thành đăng vãng An Nam dụ hoàn chi*".

Qua các tài liệu cổ của cả Việt Nam và Trung Hoa đã trình bày, người viết xin tổng kết lại như sau:

-Sự **truyền tụng** về việc Mã Viện dựng **cột đồng** ở núi Phân Mao, động Cổ Sâm, Khâm Châu để đánh dấu cương vực phía nam của nhà Hán, các tài liệu cổ sau đây đã viết về vấn đề này:

- An Nam Chí Lược (1335) của Lê Tắc
- Dư Địa Chí (1438) của Nguyễn Trãi
- Minh Thực lục (thời nhà Minh:1368 - 1644)
- Nhất thống chí của nhà Minh (thời nhà Minh:1368 - 1644)
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (năm hoàn tất: 1697)
- Nhất Thống chí nhà Đại Thanh (Đại Thanh Nhất Thống chí: 1686 - 1842)
- Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn (1773)
- Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sĩ (1775) - chỉ viết là có cột đồng ở Lĩnh Nam.

-Các tài liệu nói đến **cột đồng** ở cương vực phía cực nam là ranh giới giữa quận Tượng Lâm và nước Tây Đồ:

- Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên (472 - 527)
- Tấn thư (579 - 648)
- Tùy sử (nhà Tùy: 581-618)
- An Nam Chí Lược (1335) của Lê Tắc
- Đại Việt Sử Lược (1377 -1388)
- Đại Việt sử ký toàn thư (1697)
- Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí (1809 - 1819) của Phan Huy Chú
- Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Từ sự phân loại trên, chúng ta thấy có hai nơi chính mà Mã Viện đã dựng cột đồng:

- **Cột đồng ở động Cổ Sâm, núi Phân Mao**, châu Khâm, thời điểm mà cột đồng tại đây được nhắc đến sớm hơn cả và **có tính cách "truyền tụng"** là trong sách An Nam Chí Lược (1335).

- **Cột đồng ở biên giới cực nam,** thời điểm được nhắc đến sớm hơn cả là trong sách "Thủy kinh chú" của Lịch Đạo Nguyên (472 - 527). Cột đồng tại phía cực nam **có tính cách sử liệu,** vì các tài liệu cổ đã đề cập một cách tương đồng đến sự việc cũng như vị trí.

Ngoài vấn đề về cột đồng của Mã Viện, các tài liệu cổ còn nói đến hai **cột đồng của Mã Tổng** mà ông này đã dựng thời Đường Thái Tông (806-820) với chức "An Nam đô hộ". Cột đồng Mã Tổng ở đâu? Phía bắc vùng Khâm châu hay phía cực nam vùng quận Tượng Lâm? Theo như một câu trích trong sách "*Độc sử phương dư kỷ yếu - Phân Mao*" của Cố Tổ Vũ (1631 - 1692), thì chính Mã Tổng đã dựng hai cái cột đồng tại Phân Mao :"*Đường An Nam đô hộ Mã Tổng diệc kiến nhị đồng trụ*" [23].

[23] Phiên âm Hán nôm: "*Phân Mao lĩnh châu tây nam tam bách lục thập lý , dữ Giao Chỉ phân giới . Sơn lĩnh sinh mao, nam bắc dị hướng . Tương truyền Hán Mã Viện bình Giao Chỉ , lập đồng trụ kỳ hạ , dĩ biểu Hán giới . Đường An Nam đô hộ Mã Tổng diệc kiến nhị đồng trụ ,...*"

Nguyên văn: "分茅岭州西南三百六十里，与交趾分界。山岭生茅，南北异向。相传汉马援平交趾，立铜柱其下，以表汉界。唐安南都护马总亦建二铜柱，"

Qua những tra cứu trên thì có hai vị trí mà cột đồng đã thiết lập :

-Phía bắc, cột đồng được dựng ở núi Phân Mao, động Cổ Sâm, huyện Khâm Châu với **truyền thuyết** là do **Mã Viện dựng**.

-Phía bắc, cột đồng được dựng ở núi Phân Mao, động Cổ Sâm, huyện Khâm Châu do **Mã Tổng dựng** khi làm "An Nam đô hộ", dù đây vẫn còn là một nghi vấn!

-Phía nam, cột đồng được dựng ở phía cực nam của quận Tượng Lâm (phần đất của Lâm Ấp sau này), ranh giới với nước Tây Đồ.

Xin ghi lại câu viết của ông Phan Huy Chú (1809 - 1819) trong "Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí": " *Thiết tưởng lúc bấy giờ dựng cột đồng tất dựng ở chỗ cùng cực phía nam, mà châu Khâm còn gần kề đất Trung Quốc, không lẽ lại dựng mốc giới ở chỗ ấy,* ***thì cột đồng ở Cổ Sâm, ngờ là người đời sau dựng lên.*** *Trong khoảng đời Nguyên Hòa* [24]*(806 - 820) , đô hộ là Mã Tổng có dựng* ***cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán thì cột đồng ấy có lẽ là Mã Tổng dựng lên*** *mà đời sau bảo là di tích của Phục Ba Tướng quân chăng ? Nay hãy chép ra để tham khảo*".

Người viết **phỏng đoán là Mã Viện muốn dựng cột đồng cả hai nơi, cả phía bắc lẫn phía nam để đánh dấu phần đất phía nam nhà Hán**, mà ông ta đã chiếm được cho mộng "bành trướng đại Hán" [25], chứng tỏ về thành tích ông ta là người đã có công đánh chiếm được vùng đất này!

"Bí ẩn" của cột đồng! Vấn đề này chỉ được xác định khi có những cuộc khai quật dù "tình cờ" như cổ mộ của Triệu Văn đế ở Quảng Châu, hay "cố tình" vì có tài liệu đích xác của hậu thế. Phần này của bài viết chỉ hy vọng có thể đưa ra một số dữ liệu; để **đi gần** đến chỗ cột đồng đã dựng, hư thực như thế nào với những nghi vấn, dù đây chỉ là mục đích phụ. Người viết chỉ cố tìm hiểu thêm những sự việc cũng như những địa danh liên quan cho đề tài, **mục đích chính của bài viết là tìm vị trí vủa núi Phân Mao và động Cổ Sâm, nơi này đã nêu lên vấn đề về biên giới của nước Việt**, mà phái đoàn phân định biên giới (1885-1887) đã gặp trở ngại, kết quả là nước Việt bị mất một phần lãnh thổ!

Núi Phân Mao, động Cổ Sâm dù được nói tới qua tài liệu cổ, nhưng vị trí đã được ghi lại một cách rất mơ hồ, chỉ biết là động Cổ Sâm và núi Phân Mao ở phía tây của Khâm Châu **3 dặm** (?) hay **300 dặm** (?) theo ĐTNTC, cách trại Vĩnh Bình 100 dặm (hướng?) theo Minh Thực Lục. Vì thế vị trí chính xác của hai địa danh này cần phải được tìm hiểu thêm.

C. Các *"tài liệu bổ túc"* về động Cổ Sâm và núi Phân Mao

Ghi chú:** *các* ***"tài liệu bổ túc*"- định nghĩa trong bài viết này (theo như sự hiểu biết của người viết) là các tài liệu* ***ít*** *thấy được nhắc tới trong các bài viết gần đây; cũng như các sách đang lưu hành có liên quan đến hai địa danh này.*

---

[24] Năm Nguyên Hòa: *"Niên hiệu của Đường Hiến Tông nhà Đường (778 - 820), dùng từ năm 806 đến năm 820"*

[25] Thời điểm này, nhà Đông Hán với một dải đất mênh mông cho khoảng 50 triệu dân! Chiếm đất cho sự "bành trướng" và "Hán hóa" những dân tộc chung quanh? Có lẽ các dân tộc lân bang của Hán đã có câu trả lời?! Lịch sử vẫn lập lại khi có cơ hội!!

Để biết về vị trí chính xác của hai địa danh này, các tài liệu cổ có tính cách chính thức đã không giúp được gì nhiều cho chúng ta. Vì thế người viết phải tra cứu thêm các "tài liệu bổ túc"; mong có chút manh mối về hai địa danh này - **với hy vọng có những sự bất ngờ và lý thú; vì những sự kiện phụ thuộc đã được duy trì, không bị thay đổi hay ngụy tạo vì chính đề.**

1- Động Cổ Sâm

Khi tìm hiểu về vùng lưỡng Quảng và các biến cố liên quan đến sử Việt, trong khoảng thời điểm Pháp đánh và chiếm Bắc Kỳ, đặc biệt là những hoạt động của tướng Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen, **tình cờ** người viết đã đọc qua tiểu sử của ông trong sách:

a- "***Popular movements and secret societies in China, 1840-1950***" [26] của Jean Chesneaux, Lucien Bianco, Stanford University Press, 1972. Trang 85 với bài viết" ***The Making of a Rebel: Liu Yung-fu and the Formation of the Black Flag Army***". của Ella S. Laffey:

"*According to his autobiography, Liu Yung-fu was born in 1837 to a poor Hakka family in* ***Hsiao-feng hsiang****, a rural area near* ***Kunseng-tung*** *in* ***Ch'in-chou*** *prefecture, one often troubled "four lower prefectures"* in the extreme west of Kwangtung province. Although Liu dutifully acknowledged him self as "Ch'in-chou man," he spent only the first six years of his life there, and he considered his real "native place" Chin –ts'un, a village of Po-pai hsien in Kwangxi province.*

...

He died peacefully in 1916 while dictating his autobiography to his long-time follower, Huang Hai-an ... "

Lược dịch:

"*Theo như tự truyện của ông, Lưu Vĩnh Phúc sinh năm 1837 trong một gia đình người Khách Gia nghèo ở* ***Tiểu Phong Hương*** *(Hsiao-feng hsiang - 小峰乡 - Xiaofeng xiang), một nơi thôn dã gần* ***động Cổ Sâm*** *(Kunseng-tung - 古森洞 – Gu -sen dong) thuộc châu Khâm (Ch'in-chou - 钦州 - Qinzhou), một trong 4 huyện "có vấn đề" ở phía cực tây của tỉnh Quảng Đông. Mặc dù chấp nhận mình là "Khâm Châu nhân", ông Lưu chỉ ở nơi này 6 năm, và ông ta cho biết "gốc gác tổ tiên" thật của mình là Nha Tiền thôn (Chin–ts'un - 衙前村 - Yaqian cun, nay là Phú Tân thôn 富新村), một làng của huyện Bác Bạch (Po-pai -博白- Bobai) thuộc tỉnh Quảng Tây*

...

Ông chết trong an bình năm 1916 khi kể về chuyện của mình cho Hoàng Hải An nghe, một người đã theo ông lâu năm."

Động Cổ Sâm! Một địa danh mà người viết đang cố gắng tra cứu!

---

[26] Nguồn: http://books.google.com/books?id=ViSrAAAAIAAJ&pg=PA251&lpg=PA251&dq=Liu+Yung-fu+chuan&source=bl&ots=eJT7EI-meT&sig=A5khPR1LxkiADB2WdBwjrJ6uVL4&hl=en&ei=gNJQSo_8PIW2swPnudmqDQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1#v=onepage&q=Liu%20Yung-fu%20chuan&f=false

Sau đây là những tra cứu thêm về sinh quán của Lưu Vĩnh Phúc: "***Tiểu Phong hương, Cổ Sâm động*****".** Mặc dù những tài liệu liên quan đến địa danh Cổ Sâm đang được tìm kiếm, nhưng **sự dè dặt với những kiểm chứng rất cần được chú ý !!!** Vì thế người viết phải tra cứu hay trích dẫn thêm nhiều tài liệu khác nhau.

Nếu các tài liệu có sự đồng nhất về vị trí của các địa danh, việc này sẽ được tổng kết và so sánh với bản đồ ngày nay cũng như địa hình trong Google Earth để kiểm chứng. Hoặc tìm hiểu thêm về những sự mâu thuẫn trong các tài liệu, loại bỏ những sự kiện ngược với nhau (như khoảng cách, vị trí của địa danh) để bổ túc; hi vọng có thể có sự đồng nhất để đi đến một kết luận hợp lý.

b- Lưu Vĩnh Phúc bình truyện [27] của Lý Can Phân

Lược dịch: "*Phụ thân ông (Lưu Vĩnh Phúc) là Lưu Dĩ Lai di chuyển về* ***châu Khâm, ti Phòng Thành, động Cổ Sâm*** *là nơi mà ông và ông cố (của Lưu Vĩnh Phúc) thuộc gốc Hán sống, sau đó cha ông lại di chuyển đến chỗ của bà họ Trần là mẹ của ông (Lưu Vĩnh Phúc), có lẽ bà họ Trần thuộc tộc Tráng, vì động Cổ Sâm là nơi sinh sống của dân tộc Tráng. Nhà Tống thiết lập* ***động Cổ Sâm tại Na Lý****, nay là một động của tộc Tráng, đầu thời nhà Minh lập "thổ tuần kiểm ty"* ***Như Tích*** [28]**.**"

Tra cứu trong Google Earth, người viết tìm được hai địa danh có chữ Nali (Na lý - 那里) kế bên phía nam của thị trấn Phòng Thành: Nali Zhang (那里丈) và Nali Meng (那里?). Từ những điều đã tìm kiếm được, người viết có nhận xét như sau:

Nhận xét số 1: đoạn văn này đã nói lên vị trí của động Cổ Sâm là vùng thị trấn Phòng Thành ngày nay.

c - Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen [29]

[27] Nguồn: http://www.historychina.net/cns/QSYJ/ZTYJ/GATZT/05/09/2005/6635.html
"**Lưu Vĩnh Phúc bình truyện**" , Lý Can Phân (nv: một học giả của Trung Quốc, thời điểm 1962)
Phiên âm Hán Việt: "*Tha phụ thân Lưu Dĩ Lai thiên cư Khâm châu, Phòng Thành ti, Cổ Sâm 古森 động dĩ tiền đích tổ phụ - tằng tổ phụ, thị Hán tộc, hậu lai phụ thân thảo liệu đương địa Trần thị vi mẫu. Trần thị, khán lai khả năng thị Tráng tộc, nhân vi Cổ Sâm động thị Tráng tộc tụ cư khu, Tống đại tằng tại Na Lý 那里 thiết lập Cổ Sâm động, dĩ đương địa Tráng nhân vi động quan, Minh sơ thiết lập* ***NhưTích*** *thổ tuần kiểm ti.*"
Nguyên Văn：刘永福评传, 李干芬
"他父亲刘以来迁居钦州防城司古森洞以前的祖父 - 曾祖父，是汉族，后来父亲讨了当地陈氏为母。陈氏，看来可能是壮族，因为古森洞是壮族聚居区，宋代曾在那里设立古森洞，以当地壮人为洞官，明初设立如昔土巡检司。"

[28] Địa danh "**Như Tích**" đã có từ thời Lê Đại Hành - Lê Hoàn. ĐVSKTT: "*Bính Thân, /Ứng Thiên/ năm thứ 3 [**996**] ... Trước đây, bọn Văn Dũng là dân ở trấn Triều Dương nước ta làm loạn, giết người rồi trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu của Tống (trấn Như Tích liền với trấn Như Hồng),*".

[29] Nguồn: http://www.djbkw.com/paper/2009/0206/article_2007.html
Phiên âm Hán Nôm:: ***"Lưu Vĩnh Phúc hoà tha đích Hắc Kỳ quân"***
Lưu Vĩnh Phúc nguyên tịch Quảng Tây Bác Bạch huyện , nhân gia trung bần cùng bất kham , tha đích phụ thân bả gia thiên đáo Quảng Đông Khâm châu (hiện thuộc Quảng Tây) Phòng Thành ty thuộc Cổ Sâm động Tiểu Phong hương . 1837niên , Lưu Vĩnh Phúc tựu xuất sinh tại giá lý . Hậu lai , tha môn hựu cử gia thiên di đáo Quảng Tây

Lược dịch:

*"Lưu Vĩnh Phúc nguyên quán ở huyện Bác Bạch (博白), tỉnh Quảng Tây. Vì không kham nổi cảnh bần cùng của gia đình, cha ông đã mang gia đình đến **Tiểu Phong hương, <u>động Cổ Sâm</u>, ty Phòng Thành,** Khâm châu, Quảng Đông (hiện thuộc Quảng Tây). Tại đây , năm 1837, Lưu Vĩnh Phúc ra đời. Sau đó gia đình lại di chuyển đến châu Thượng Tư tỉnh Quảng Tây…".*

d- "Hắc Hổ tướng quân" Lưu Vĩnh Phúc[30]

Lược dịch:

*"Lưu Vĩnh Phúc sinh năm 1837 tại thôn **Tiểu Phong**, động **Cổ Sâm** (**nay là** khu Tráng tộc tự trị, trong huyện Phòng Thành ("**<u>Phòng Thành huyện nội</u>**")[31]). Vì gia cảnh bần cùng, lúc 5 tuổi ông theo cha mẹ di chuyển đến châu Thượng Tư tỉnh Quảng Tây…".*

Từ hai đoạn văn liên quan đến địa danh Cổ Sâm trong hai bài viết, người viết có nhận xét sau:

<u>Nhận xét số 2</u>: hai đoạn văn trong hai bài viết này đã phù hợp với trích dẫn trong nhận xét 1, nêu ra <u>vị trí của thôn Tiểu Phong</u>, **<u>động Cổ Sâm là vùng thị trấn Phòng Thành ngày nay.</u>**

2- "Thất (7) động" tại vùng đất phía tây châu Khâm

Thượng Tư châu".

Nguyên văn: "**刘永福和他的黑旗军**"

刘永福原籍广西博白县，因家中贫穷不堪，他的父亲把家迁到广东钦州(现属广西)防城司属古森洞小峰乡。1837 年，刘永福就出生在这里。后来，他们又举家迁移到广西上思州。"

[30] Nguồn: http://www.lantianyu.net/pdf52/ts067037.htm

Phiên âm Hán Nôm:

"Ái quốc chủ nghĩa giáo dục tùng thư : Hắc Kỳ quân
Nhất - "Hắc Hổ tướng quân" Lưu Vĩnh Phúc
*Lưu Vĩnh Phúc 1837 niên xuất sinh vu Quảng Đông **Cổ Sâm** động **Tiểu Phong** hương (**kim** Quảng Tây Tráng tộc tự trị khu **<u>Phòng Thành huyện nội</u>**). Do vu gia cảnh bần cùng, 5 tuế thời, Lưu Vĩnh Phúc tựu tuỳ khán ba ba mụ mụ thiên di đáo liệu Quảng Tây Thượng Tư châu cảnh nội".*

Nguyên văn: **爱国主义教育丛书：黑旗军**

一 - "黑虎将军"刘永福

刘永福 1837 年出生于广东古森洞小峰乡（今广西壮族自治区防城县内）

由于家境贫穷，5 岁时，刘永福就随着 爸爸妈妈迁移到了广西上思州 境内。

[31] "***Phòng Thành huyện nội***" : huyện Phòng Thành (nay thuộc Phòng Thành Cảng thị) là một đơn vị hành chính, một vùng đất kéo dài tới kế biên giới Việt Nam, gồm cả thị trấn Đông Hưng. "***Phòng Thành huyện nội***" tọa lạc tại đâu trong huyện Phòng Thành? Có một bài viết trong trang web: http://u.nndv.cn/space.php?uid=967&do=thread&id=1099

Bài viết này với hình ảnh của những biến cố trong thị trấn Phòng Thành "*Cương hoạch đắc giải phóng đích <u>Phòng Thành huyện nội</u> nhất cảnh (刚获得解放的防城县内一景)*", vì thế người viết tạm kết luận "***Phòng Thành huyện nội***" là thị trấn Phòng Thành.

Qua nhận xét số 1và số 2 đã nêu trên thì vị trí thôn Tiểu Phong, **động Cổ Sâm tạm được xác định là "Phòng Thành huyện nội"**, nằm trong thị trấn Phòng Thành ngày nay, toạ lạc tại phía bắc của sông Phòng Thành.
Trung tâm thị trấn Phòng Thành với tọa độ theo Google Earth:
Kinh độ (longtitude): 108°21;30"
Vĩ độ (lattitude): 21°46'

Động Cổ Sâm sẽ là chuẩn điểm thứ hai (sau Khâm Châu) để tra cứu về vị trí 6 động khác, các vị trí tìm được sẽ được dùng để kiểm chứng lẫn nhau.

a- "Độc sử phương dư kỷ yếu" [32] quyển 104

Đây là một tài liệu cổ khá quan trọng về địa dư do Cố Tổ Vũ (1631 -1692) biên soạn thời Thuận Trị và đầu thời Khang Hy nhà Thanh. Sách này có nói qua về **đường biên giới Việt –Trung từ thời nhà Tống** (nói về trại Như Tích kế bên biên giới Giao Chỉ), mà người viết tạm phiên dịch:

"[Chí] kể: phía tây nam của châu (Khâm) có ải Ná Tô, phía đông nam ải này có ải Nhẫm Quân, phía đông của ải này có ải Ná Long, bên ngoài ải là Giao Chỉ, dân gian qua lại nơi đây, ***nay*** *(đầu thời nhà Thanh , những ải này)* ***đã bãi bỏ***. ***Trại Như Tích*** *ở phía tây châu (Khâm) 160 dặm. Kế bên các khê động vùng Tả giang và Hữu giang,* ***tiếp giáp với biên giới Giao Chỉ****. Trại đóng trên đỉnh núi, vị thế rất hiểm trở. Thời nhà Tống đặt ra các động trưởng quản trị các "hạt" Thì La - Thiếp Lãng cùng 7 động. Năm Thiên Hi (thời Tống, 1190), cử quân đến trấn thủ. Nguyên nhân là để cai quản vùng này. Giữa năm Chí Chính 12(cuối đời Nhà Nguyên- 1352 , đặt chức tuần ty ở trại Như Tích. Năm Tuyên Đức thứ 2 (1427),* ***Hoàng Kim Quảng, Hoàng Thánh Hứa chiếm đất của Khâm châu đến kế bên hai huyện Linh Sơn và An Viễn, gồm Thì La và Thiếp Lãng 7 động, nhân dân vong tán.*** *"* [33].

---

[32] Nguồn: http://zh.wikisource.org/zh-hans/%E8%AE%80%E5%8F%B2%E6%96%B9%E8%BC%BF%E7%B4%80%E8%A6%81/%E5%8D%B7%E4%B8%80%E7%99%BE%E5%9B%9B
Bộ sách *"Độc sử phương dư kỷ yếu"* (读史方舆纪要 gồm 130 quyển, soạn trong 20 năm) do Cố Tổ Vũ (1631-1692) người tỉnh Giang Tô làm chủ biên, sách viết dưới thời Thuận Trị và đầu thời Khang Hi, sách có trước sách Đại Thanh Nhất Thống chí.

[33] Phiên dịch Hán Nôm: " *[Chí] vân : châu tây nam hữu Ná Tô ải, kỳ đông nam viết Nhẫm Quân ải, hựu đông hữu Ná Long ải, ải ngoại tức Giao Chỉ cảnh, gian dân thông phiên giả suất do thử. Kim phế. Như Tích trại châu tây bách lục thập lý (160 dặm). Liên Tả Hữu lưỡng giang khê động, tiếp Giao Chỉ giới. Trại cư đại sơn chi điên (đỉnh núi), thế thậm hiểm trở. Tống trí động trưởng quản hạt Thì La - Thiếp Lãng đẳng thất động. Thiên Hi (1190) gian, tuế điều binh thủ chi. Nguyên nhân kỳ chế. Chí Chính thập nhị niên (cuối đời Nhà Nguyên- 1352) trung, trí tuần ty vu Như Tích trại. Tuyên Đức nhị niên (1427), thổ tù Hoàng Kim Quảng, lưỡng giang động tặc Hoàng Thánh Hứa khấu Khâm châu cập Linh Sơn - An Viễn nhị huyện, vu thị Thì La - Thiếp Lãng thất động nhân dân vong tán đãi tận.*"
Nguyên văn : 。《志》云：州西南有那苏隘，其东南曰稔均隘，又东有那隆隘，隘外即交趾境，奸民通番者率由此。**今废**。如昔寨州西百六十里。连左右两江溪洞，接交趾界。寨据大山之巅，势甚险阻。宋置峒长管辖时罗 - 贴浪等七峒。天禧间，岁调兵守之。元因其制。至正十二年，两江峒贼黄圣许寇钦州及灵山 - 安远二县，于是时罗 - 帖浪七峒人民亡散殆尽。

Biến cố này nói lên toàn thể 7 động đã được "*thổ tù*" Hoàng Kim Quảng và "*động tặc*" Hoàng Thánh Hứa xin gia nhập vào lãnh thổ Đại Việt năm 1427, khi đất nước vừa đuổi quân Minh ra khỏ bờ cõi và thiết lập lại nền tự chủ.

Đoạn văn trên nói lên vị trí các cửa ải vùng này như sau:

Khâm châu

Ải Ná Tô

Ải Nhẫm Quân ***Ải Ná Long***

Phía nam: Giao Chỉ biên cảnh.

Những ải này; nay (khi Cố Tổ Vũ viết sách, đầu thời nhà Thanh) đã bãi bỏ, vì vùng này đã nằm trong nội địa Trung Hoa sau khi Mạc Đăng Dung dâng/trả/nộp đất!

Đoạn văn của sách này viết về các động tại Khâm châu[34] như sau:

"... Mạc Đăng Dung hàng, trả lại 4 động là Tư Lẫm - Kim Lặc - Cổ Sâm - Liễu Cát về lại như cũ.
[Chí] viết rằng:
*Động **Thiếp Lãng** ở đô Thiếp Lãng, thôn Tư Nha, kế bên là*
*Động **Tư Lẫm** ở thôn Tư Lẫm, phía tây động **Cổ Sâm***
*Động **Thì La** ở **đô Thì La***
*Động Như Tích tại đô Như Tích, thôn **Tư Lặc**, kế bên là*
*Động Bác thị ở thôn **Liễu Cát***
*Động Giám Sơn ở thôn **La Phù***
Đây là vùng đất của 7 động. ..."

Đô Thì La: theo như một tài liệu nói về gia phả của thị tộc Huyên tại Khâm Châu: **"*Tính thị lược khảo —Huyên tính —gia phả văn hiến*"** [35]: **đô Thì La tọa lạc tại thị trấn Phòng Thành Cảng**, nơi có từ đường của Huyên Thuần Vượng, một tướng theo Mã Viện đánh Giao Chỉ (theo truyền thuyết?).

Nhận xét số 3:

---

[34] *Phiên âm Hán Nôm: "Mạc Đăng Dung hàng, qui Tư Lẫm - Kim Lặc - Cổ Sâm - Liễu Cát tứ động địa, vu thị thuỷ phục cố cảnh. 《chí》vân : Thiếp Lãng động, tại Thiếp Lãng đô Tư Nha thôn. Tương cận vi Tư Lẫm động, tại Tư Lẫm thôn. Hựu tây vi Cổ Sâm động. Kỳ Thì La động tại Thì La đô, Như Tích động tại Như Tích đô Tư Lặc thôn, tương cận giả vi Bác Thị động, tại Liễu Cát thôn, Giám Sơn động tại La Phù thôn. Sở vị thất động dã*."

[35] Nguồn: http://sinosurname.spaces.live.com/blog/cns!77B02AA5FAAB9CAD!4691.entry
Đoạn văn liên quan đến đô Thì La được phiên âm Hán nôm như sau: "*từ* (đường của Huyên Thuần Vư 褶纯旺) *toạ lạc tại Thì La đô (kim Quảng Đông Phòng Thành cảng Phòng Thành trấn) Duyên giang nhai biên đích Mai lĩnh nam trắc"* .
Nguyên văn: "祠座落在时罗都(今广东防城港防城镇)沿江街边的梅岭南侧"

Theo như hai tài liệu **"*Độc sử phương dư kỷ yếu*"** và **" *Huyên tính - gia phả văn hiến*"** thì tất cả 7 động ở phía tây châu Khâm đã xin nội thuộc vào Đại Việt. Bảy động là **Thiếp Lãng** (hay Chiêm Lãng), **Tư Lẫm, Cổ Sâm, Tư Lặc, Liễu Cát, La Phù và Thì (Thời) La**. Chúng ta cũng biết thêm được **vị trí tương đối chính xác của động Thì La (ở đô Thì La) nằm trong thị trấn Phòng Thành cảng** với tọa độ theo Google Earth:

Kinh độ (longtitude): 108°21'
Vĩ độ (lattitude): 21°37'

b - "Khâm Châu tây bộ đích địa phương sử …" [36]

Tóm tắt về đoạn trích dẫn: *"Theo sử của dân địa phương: Đầu thời nhà Minh (HồngVũ, 1328-1398) tuỳ theo vị trí của các thôn, lập ba ra **"đô"** là Thì La (时罗), Thiếp Lãng (贴浪) và Như Tích (如昔) . Đến thời Gia Tĩnh (1507-1566), đặt ra các động là Bác Thị (博是), Giám Sơn(鉴山), Thiếp Lãng, Thì La, Tư Lẫm (澌凛), Như Tích, Cổ Sâm (古森).*

Đô Thì La *coi động Thì La.*
Đô Thiếp Lãng *coi các động Thiếp Lãng, Tư Lẫm và Cổ Sâm*
Đô Như Tích *coi các động Như Tích, Bác Thị, Giám Sơn*

*Năm Tuyên Đức thứ 2 (**1427**)[37]**,** động trưởng của động Như Tích là Hoàng Kim Quảng (đô trưởng đô Như Tích) với hai động dưới quyền là động Giám Sơn (sau đổi tên là **La Phù -**罗浮), động Bác Thị (sau đổi tên là **Liễu Cát** 丫葛 [38]), cùng với đô Thiếp Lãng là các động **Thiếp Lãng,Tư Lẫm**, **Cổ Sâm** (tổng cộng là 6 trong 7 động ngoại trừ đô/động Thì La) **xin nhập vào Việt Nam**. Sử liệu chỉ ghi 4 động, nhưng thực tế là 2 đô (gồm có 6 động). Hai động Giám Sơn và*

---

[36] Nguồn: http://qkzz.net/article/85850810-6187-48e3-ba65-d099ad1a999b.htm

Phiên âm Hán Nôm: ***"Khâm Châu tây bộ đích địa phương sử dư đô động chi dân tổ tiên ký ức đích sáng chế"***
*"…Minh sơ thiết tuân hoá hương , hạ thiết tam đô: Thì La - Thiếp Lãng - Như Tích . Tại Gia Tĩnh [Khâm Châu chí] trung , thất động chi danh nhất nhất toạ thực , phân biệt vi : Bác Thị - Giám Sơn - Thiếp Lãng - Thì La - Tư Lẫm - Như Tích - Cổ Sâm . Đương thời tình hình thị tam đô chi hạ thống thất động , Thì La đô thống Thì La , Thiếp Lãng đô thống Thiếp Lãng - Tư Lẫm - Cổ Sâm , Như Tích đô thống Như Tích - Bác Thị - Giám Sơn . Tuyên Đức nhị niên (1427), Như Tích đô dân Hoàng Kim Quảng suất Như Tích đô hạ Giám Sơn - Bác Thị , Thiếp Lãng đô hạ Tư Lẫm - Cổ Sâm tứ động bạn phụ An Nam , Như Tích động nãi Như Tích đô chi sở tại , sử tịch tuy chỉ tứ động bạn phụ , đản Như Tích động thực tế thượng dã tại bạn phụ địa khu chi nội . Thử tứ động vị trí đại khái tại kim **Phòng Thành giang dĩ tây - Ná Thoa trấn dĩ nam đích vị trí .** Gia Tĩnh thập cửu niên (1540) An Nam Mạc Đăng Dung thỉnh qui tứ động , tại thử hậu đích ký tải trung , Như Tích bị Tư Lặc đại thế , Bác Thị diệc cải xưng Hà Châu (diệc xưng Nha Cát - A Cát - Cát Nguyên) (Liễu Cát), Giám Sơn cải xưng La Phù , Tư Lẫm - Cổ Sâm danh xưng chiếu cựu . đô động chi danh nhất trực duyên dụng chí Thanh mạt… ".*

[37] Năm 1427, ông Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đang làm chủ tình thế gần như toàn cõi nước Việt. Cuối năm 1427, quân đô hộ nhà Minh đầu hàng, Việt Nam lấy lại nền tự chủ.

[38] Tài liệu Trung Hoa viết là Nha Cát 丫葛, ĐVSKTT viết là Liễu Cát 了葛, hai chữ "Nha 丫" và "Liễu 了" viết gần giống nhau nếu viết nét thảo, có thể bị lầm trong vấn đề sao chép. Người viết dùng chữ Liễu Cát theo như sử Việt.

Bác Thị đã đổi tên thành La Phù (罗浮) và Liễu Cát, hai động Tư Lẫm và Cổ Sâm vẫn giữ tên cũ cho tới cuối đời nhà Thanh.
Vị trí <u>đại khái</u> của 4 động (La Phù, Liễu Cát, Tư lẫm, Cổ Sâm) <u>ngày nay</u> ở phía tây sông Phòng Thành, trấn Na Thoa ở phía nam.

*Năm 1540, Mạc Đăng Dung **<u>dâng / trả</u> (?)** 4 động này [39]".*

Từ tài liệu này, các "đô" và "động" có thể được sắp xếp lại để dễ nhận xét:

Đô Thì La	Động Thì La
Đô Thiếp Lãng	Động Thiếp Lãng (hay **Chiêm Lãng**) Động **Tư Lẫm** Động **Cổ Sâm**
Đô Như Tích	Động Như Tích (sau đổi là **Tư Lặc -** hay **Kim Lặc** theo sử Việt) Động **Liễu Cát** (tên cũ là Bác Thị hay Nha Cát, Cát Nguyên) Động **La Phù** (tên cũ là Giám Sơn)

<u>Nhận xét số 4</u>: theo như các tài liệu đã trình bày; người viết nhận thấy có những điểm:
-Tương đồng về vị trí của các địa danh (các động) và biết được về những
-Vị trí tương quan hợp lý (loại bỏ những khoảng cách "khó tin" đã nêu ra trong các tài liệu)
=> Có thể ghi lại các vị trí của những địa danh này trong bản đồ.

Lấy vị trí của huyện đường châu Khâm, động Cổ Sâm và động Thì La làm chuẩn, xin **<u>tạm thời</u>** ghi lại những địa danh của 7 động trong bản đồ như sau:

[39] ĐVSKTT viết: "*Năm Canh Tý (1540), mùa đông tháng 11, Mạc Đăng Dung ... nộp các động **Tê Phù** 澌浮, Kim Lặc 金勒, **Cổ Sâm** 古森, **Liễu Cát** 了葛, An Lương 安良, **La Phù** 羅浮 của Châu Vĩnh An 永安州 trấn Yên Quảng cho xin nội thuộc, lệ vào Khâm Châu 欽州* ". Người viết có nhận xét là động Tư Lẫm **có lẽ** cũng là động Tê Phù, Hán tự chữ 澌 phiên âm là "Tê hay "Tư ".

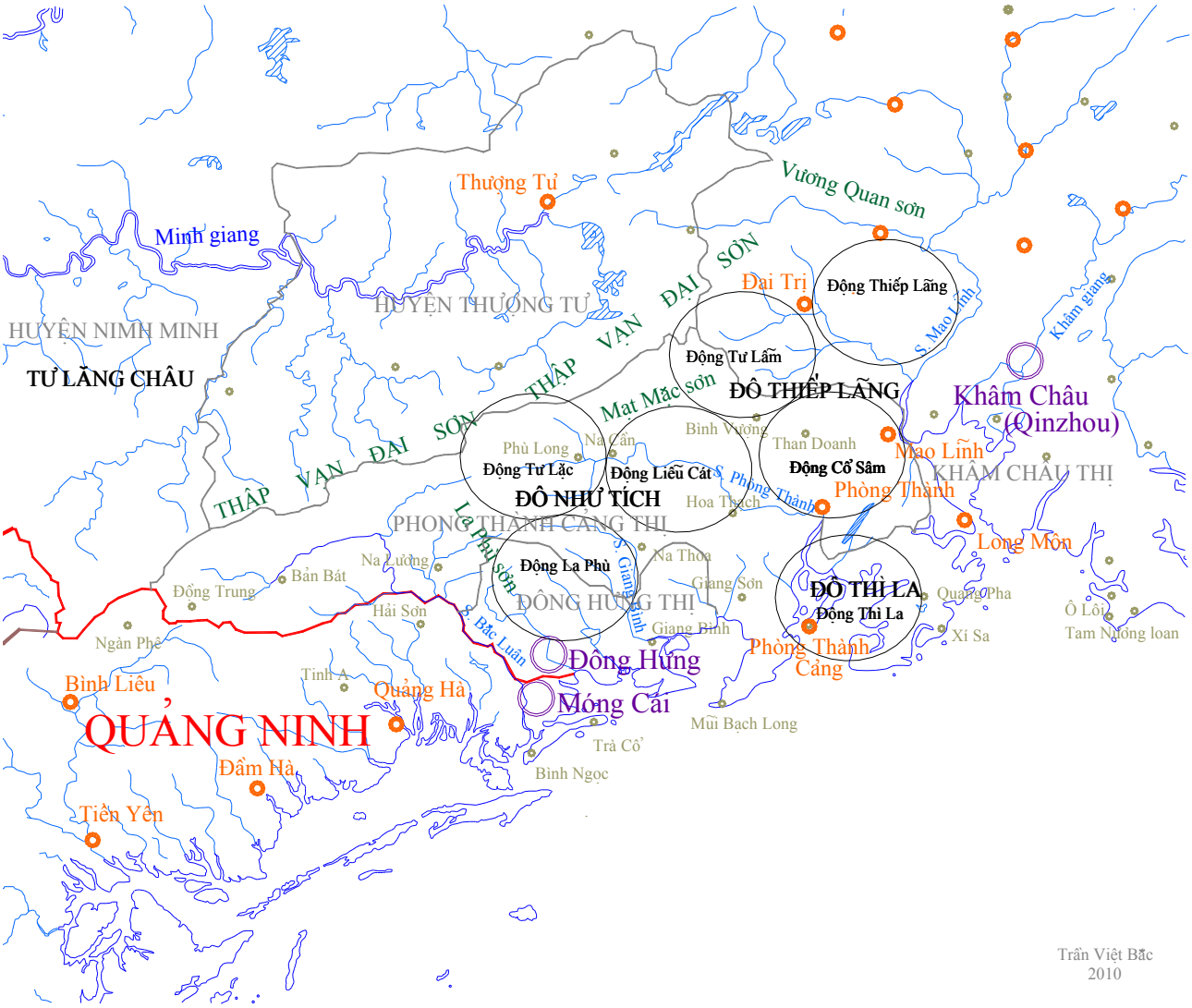

Nhận định vị trí bảy động
Thiếp (Chiêm) Lãng, Tư Lẫm, Cổ Sâm, Liễu Cát, Tư (Kim) Lặc, La Phù và Thì (Thời) La

3 - Sông Cổ Sâm (Cổ Sâm hà)

Có vài tài liệu nói **"Cổ Sâm hà" là đường biên giữa châu Khâm và Việt Nam thời nhà Thanh,** vậy Cổ Sâm hà là sông nào trong vùng này? Người viết xin tra cứu thêm về các tài liệu sau:

a- "Khâm Liêm phương chí" [40]

[40] Nguồn: http://www.historykingdom.com/read.php?tid=41585
Phiên âm Hán Nôm:
"Khâm Liêm phương chí" *Đích phàm lệ môn mục dữ Minh Thanh thời kỳ đích biên dân xã hội*
"... Kỳ địa tại Khâm châu tây nam ***Cổ Sâm động*** *địa phương , bao khoả vu Thập Vạn đại sơn chi trung , quảng mậu tương cận bách lý , "xuân hạ chướng lệ tối thậm , nhân hoạn hoàng thũng đại đỗ , nãi thuỷ thổ cực ác chi khu . " án 《thông chí》 tải : kỳ địa vi Khâm biên tận giới , dữ Quảng Tây Thượng Tư châu - An Nam*

Phỏng dịch:
*" ... Vùng **đất** ("kỳ địa") tại châu Khâm, **phía tây nam động Cổ Sâm**, bao quanh **vùng núi giữa rặng Thập Vạn Đại Sơn**, đông tây nam bắc cả trăm "lý (dặm) (~50km)"* [41] *, "hai mùa xuân hạ ôn chướng nặng nề, người ta thì bị bệnh phù thủng, bệnh dạ dày, thủy thổ vùng đất này rất độc". Xét sách "Thông chí" viết: vùng đất này trải dài tới cuối ranh giới châu Khâm, kéo đến châu Thượng Tư tỉnh Quảng Tây - **An Nam tiếp giáp với sông Cổ Sâm**, vùng này chẳng thuộc vào nước nào (!?). Nghe nói là: " (vùng đất này: Thập Vạn Đại sơn) được gọi là vùng chẳng hệ trọng gì tới Quảng Đông, Quảng Tây cũng như An Nam. Chỉ là một vùng đất hoang tịch và hiểm trở, khó có thể nhập thành quận hạt. Khó mà có thể đặt được chủ quyền về cương giới, khởi đầu là làm sao có thể biết sơ lược về vùng này?!" Sách Khâm Chí viết: "Mùa xuân, tháng 2, năm Ung Chính thứ 6 (mậu Thân, 1728), quan phủ gởi sớ xin sát nhập vùng này kể từ Phù Tuy* [42] *vào châu Khâm. ...."*.

***Ghi chú**: Không biết vùng đất ("kỳ địa") này thuộc "ai" (!?) ("Đản sự quan cương giới chủ quyền , khởi khả sơ lược vô tải"), vậy mà dâng sớ xin nhập vùng này vào châu Khâm !? (... đốc phủ hội sớ , thỉnh quy Khâm châu ").*

Đặt căn cứ theo như sự diễn tả trong đoạn văn trên; cũng như tham khảo theo bản đồ ngày nay và Google Earth; thì vùng đất "*chẳng thuộc ai ?!*" này nằm kế bên phía tây của châu Khâm, phía nam của huyện Phù Tuy (Fusui -扶绥), phía đông của huyện Thượng Tư [43] (Shangsi - 上思) và ở phía tây nam **động Cổ Sâm**, tiếp giáp với **sông Cổ Sâm**. Vùng đất này với chiều ngang và dọc khoảng 50km, nằm kế bên biên giới của Trung Hoa (tại châu Khâm) và Việt Nam.

b- "Trung Việt biên giới đích biến thiên" [44]

***Cổ Sâm hà** tiếp nhưỡng , nhi các bất tương thuộc . Chí vân : "tục xưng Quảng Đông bất yếu - Quảng Tây bất yếu , An Nam bất yếu . Dĩ hoang tịch hiểm trở , nan dĩ thống hạt . " Đản sự quan cương giới chủ quyền , khởi khả sơ lược vô tải ?! Khâm chí ký viết : "Ung Chính lục niên (Mậu Thân , 1728) xuân nhị nguyệt , đốc phủ hội sớ , thỉnh quy Khâm châu , tựu cận Phù Tuy ." ..."*

Nguyên văn: "**钦廉方志**的凡例门目与明清时期的边民社会
…其地在钦州西南**古森洞**地方，包裹于十万大山之中，广 袤将近百里，"春夏瘴疠最甚，人患黄肿大肚，乃水土极恶之区。"按《通志》载：其 地为钦边尽界，与广西上思州、安南**古森河**接壤，而各不相属。志云："俗称广东不要 - 广西不要，安南不要。以荒僻险阻，难以统辖。"但事关疆界主权，岂可疏略无载?! 钦志记曰："雍正六年(戊申，1728)春二月，督抚会疏，请归钦州，就近抚绥。

[41] Đơn vị "lý" thời nhà Thanh trong khoảng từ 462.00m –503.89m, 100 "lý" (dặm) khoảng 50Km
Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Chinese_units_of_measurement

[42] Phù Tuy (Fusui 扶绥), tên cũ là Tân Ninh nằm tại phía tây tây nam tỉnh Nam Ninh (khoảng 100km). Huyện Phù Tuy thuộc Sùng Tả thị ngày nay

[43] Huyện Thượng Tư thuộc Phòng Thành Cảng thị ngày nay

[44] Nguồn: http://luangongquan.bokee.com/viewdiary.14297360.html
Phiên âm Hán Nôm: ***"Trung Việt biên giới đích biến thiên"***
"Gia Tĩnh nhị niên (1523 Minh Thế Tông) , Việt Nam phát sinh nội loạn , An Nam (anh) Mạc Đăng Dung hướng Minh thỉnh hàng , tướng tứ động chi địa (kim Quảng Tây đích Bắc Luân hà dĩ bắc nhất trực đáo Quảng Tây đích

(Ghi chú: Trong tài liệu này người viết xin loại bỏ những diễn tả về biến cố lịch sử ; chỉ chú trọng vào những địa danh đang tra cứu; những địa danh này sẽ được kiểm chứng so với các tài liệu khác. Tài liệu này đã được phổ biến trong nhiều bài viết ở các trang web của Trung Quốc!)

Phỏng dịch: "*Năm Gia Tĩnh thứ 2 (1523- Minh Thế Tông), Việt Nam có loạn, ở Việt Nam; Mạc Đăng Dung xin qui hàng nhà Minh, thủ lĩnh 4 động xin lệ thuộc vào Trung Quốc (**ngày nay** các động này nằm từ sông Bắc Luân (?) đến thị xã Giang Bình (?), tỉnh Quảng Tây ***), gồm có các động sau:*

Động Kim Lặc ở vùng sông Đàm Lân
Động Liễu Cát ở vùng sông Mang Khê
Động Tư Lẫm ở vùng sông Tam Kỳ
Động Cổ Sâm ở vùng sông Cổ Sâm (Cổ Sâm hà) là đường biên giới

***Ghi chú**: hai câu văn "*kim Quảng Tây đích Bắc Luân hà dĩ bắc nhất trực đáo Quảng Tây đích Giang Bình*" và "*Cổ Sâm dĩ Cổ Sâm hà (古森河) vi giới*" này mâu thuẫn với nhau, đặt căn bản qua các tài liệu đã nêu! Các động này nằm từ sông Bắc Luân đến thị xã Giang Bình?? So sánh các tài liệu để kiểm chứng đã nói lên là điều này không hợp lý! Chúng ta nên lưu ý về các tài liệu liên quan đến lãnh thổ với câu trong ngoặc hay với những chữ "**ngày nay là**" ("**tức kim, kim**") từ tài liệu của Trung Quốc! Rất có thể sự thật đã bị ngụy tạo hay thêm thắt cho một âm mưu truyền kiếp là "bành trướng" và "Hán hóa" (người viết sẽ trình bày sau?!)

c- Kiểm chứng qua tài liệu cổ của Việt Nam

Đại nam Nhất Thống chí, nhà xuất bản Thuận Hóa, tập 4, trang 7-8, viết về tỉnh Quảng Yên như sau:
"*Nhà Lê, đầu thời Thuận Thiên, gọi là Yên (An) Bang, thuộc Đông Đạo. Bọn Hoàng Kim Quảng, trưởng động Tư Lẫm ở châu Khâm nước Minh đem bốn động Tư Lẫm, La Phù, Cổ Sâm và Cá (nv: Liễu) Cát đến xin phụ thuộc, nhà Lê cho lệ vào châu Vạn Ninh. Xét **Khâm Châu chí** chép: "Bảy động (Chiêm Lãng, Thì La, Tư Lặc, Liễu Cát, Cổ Sâm, Tư Lẫm, La Phù) nguyên là đất ba quận **Thì La, Chiêm Lãng và Như Tích**, đời Tuyên Đức nhà Minh (1427), bọn Hoàng Kim Quảng trưởng động Tư Lẫm phản bội, chiếm cứ đất Tư Lẫm, La Phù, Liễu Cát và Cổ Sâm, nhân đấy **uy hiếp cả động Tư Lặc** cùng tuần ti **kênh Phật Đào** gồm 9 thôn, dăng dài hơn 200 dặm, để phụ về nước An Nam. **Họ Lê phong cho các chức kinh lược sứ, kinh lược đồng tri, và thiêm sự mà vẫn nối đời giữ đất thuộc vào châu Vạn Ninh,** đem động Cá (nv: Liễu) Cát làm ti tuần kiêm Phật Đồ (nv: Đào) kênh vệ A (nv: Liễu) Cát, theo về châu Tĩnh Yên, đem thôn Tư Lặc làm sở Kim Lặc". Đời Quang Thuận đặt Yên (An) Bang thừa tuyên.*
...
*Bản đồ năm Hồng Đức thứ 21 (1490) gọi là xứ Yên (An) Bang. Năm Nguyên Hòa thứ 8 (1540), nhà Mạc lại đem 4 động Tư Lẫm thuộc châu Tĩnh Yên nộp về nước Minh, " xin nộp các động Tư Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, Yên (An) Lãng, La Phù thuộc châu Tĩnh Yên ở trấn Yên Quang nguyên thuộc về châu Khâm". **Khâm châu chí** chép: đời Gia Tĩnh nhà Minh, họ Mạc hàng phục, xin trả lại đất các động đã xâm chiếm (nhà Minh) bèn sai bọn đô chỉ huy sứ Vương Tương chia*

---

*Giang Bình) hoàn cấp Trung Quốc , kỳ trung 其中, Kim Lặc 金勒 dĩ Đàm Lân hà 谭鳞河, Liễu Cát dĩ Mang Khê hà 芒溪河, Tư Lẫm dĩ Tam Kỳ hà 三岐河 , **Cổ Sâm dĩ Cổ Sâm hà 古森河 vi giới** , ..." .*

định cương giới, lập bia đá, định lời thề ở ***Kim Lặc lấy sông Đàm Lân*** *làm ranh giới,* ***Liễu Cát lấy sông Mang Khê*** *làm ranh giới,* ***Tư Lẫm lấy ngã ba sông (nv: Tam Kỳ hà?)*** *làm ranh giới,* ***Cổ Sâm lấy sông Cổ Sâm*** *làm ranh giới."*

Qua sách ĐNNTC, kiểm lại những địa danh và sự kiện trong tài liệu của Trung Hoa, **chúng ta thấy 6 động có sự tương đối trùng hợp,** ngoại trừ động Thì La không thấy.Tuy nhiên, nhận xét một cách đại cương thì những tài liệu này tương đồng; dù vài địa danh với phiên âm Hán Nôm hơi khác biệt,. Dù biết rằng tài liệu Việt Nam trích dẫn từ tài liệu của Trung Hoa, nhưng đ**iểm chính là để so sánh là những phiên bản trong các thời điểm khác nhau**!

Tài liệu từ ĐNNTC cho biết thêm một chi tiết là ngoại trừ 3 động dưới quyền Hoàng Kim Quảng (là động trưởng của "đô" Thiếp (Chiêm) Lãng gồm 3 động Tư Lẫm, Thiếp Lãng, Cổ Sâm), ông này đã uy hiếp động trưởng Tư Lẫm (coi "đô" Như Tích gồm 3 động Tư Lặc (Lẫm), Liễu Cát và La Phù), cùng với tuần ti kênh Phật Đào để phụ thuộc vào đất Việt. Một dải đất khoảng 80km chiều dài, 30km chiều ngang theo hướng tây nam- đông bắc (~2400km2).

Nhận xét số 5: theo như sách **"*Khâm Liêm Phương chí*"** và bài viết ***"Trung Việt biên giới đích biến thiên"*****cũng như qua ĐNNTC, thì ranh giới Việt Nam với châu Khâm là sông Cổ Sâm, thời điểm là năm 1728** - năm Ung Chính (1678-1735) nhà Thanh**.**

d- Kiểm chứng qua bản đồ

Kiểm chứng sơ khởi, những nhận xét này được so sánh với bản đồ "*CARTE DU TONG-KING par F. Romanet du Caillaud 1879*" [45], trang 492, trong sách "*Histoire de l'intervention française au Tong-King de 1872 à 1874*", của Frédéric Romanet du Caillaud.

[45] Toàn bản đồ: trang 492, sách đã dẫn, web site:
http://www.archive.org/stream/histoiredelinter00roma#page/n9/mode/2up

Bản đồ vùng Lạng Sơn và Quảng Yên năm 1879
Trích dẫn một góc "CARTE DU TONG-KING" của Romanet du Caillaud

Từ bản đồ năm 1879 (trước hiệp định biên giới 1887) của Frédéric Romanet du Caillaud , chúng ta thấy có những điểm đáng lưu ý như sau:

- Thị trấn Đông Hưng (nay thuộc về Trung Quốc, kế bên thị trấn Móng Cái của Việt nam) nằm sâu trong lãnh thổ Việt Nam.
- Vùng đất từ Cap Paklung (mũi Bạch Long) tới cửa sông Ngan-Nan-Kiang(sông An Nam) thuộc lãnh thổ Việt Nam.
-Đường biên giới Việt-Trung tại tỉnh Quảng Ninh (Quảng Yên + Hải Ninh) là sông An Nam (Ngan-Nan-Kiang)
- Sông An Nam (An Nam giang – Ngan-Nan-Kiang) hay Dzương Hà (Dương hà) là sông Phòng Thành ngày nay.

Dù rằng có những **sự tương đồng từ bản đồ này so với các tài liệu đã nêu**, người viết không biết rõ là bản đồ này được vẽ lại dựa trên những yếu tố nào. Trắc địa? phỏng đoán là không! Từ tài liệu của Trung Quốc? Cần phải được so sánh cẩn thận! Những bản đồ của các nhà truyền giáo vẽ khác (trong phần trình bày bên dưới) với bản đồ này. Vì thế người viết chỉ xin **tạm** chấp nhận kết quả này, để có thể dùng điều này so sánh với các tra cứu kế tiếp.

Qua những dẫn chứng từ các **tài liệu** cùng với những **nhận xét** và so sánh với **bản đồ** trên, người viết **tạm thời** đưa ra những kết luận như sau:

1-Động Cổ Sâm là vùng thị trấn Phòng Thành
2- Động Thì La là vùng thị trấn Phòng Thành Cảng
3-Động Cổ Sâm nằm kế sông Cổ Sâm
4-Sông Cổ Sâm (tên cổ thời) là sông Phòng Thành chảy qua thị trấn Phòng Thành ngày nay.
5- Đường biên giới Việt Nam tại tỉnh Quảng Ninh (Quảng Yên + Hải Ninh) và châu Khâm, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc, thời nhà Thanh là sông Phòng Thành ngày nay.

4- Vị trí sông Thiếp Lãng

Trong bài viết "*Lịch Sử tranh chấp chủ quyền "L'ENCLAVE PAK-LUNG"cùng các đảo Vạn Vĩ, Sơn Tâm và Vu Đầu trong vịnh Vạn Xuân*", tác giả Trương Nhân Tuấn viết:

"*Sông Thiếp Lãng (Thiếp Lãng Giang 貼朗江), cách Khâm Châu **240 dặm, chảy theo đường biên giới Việt Nam**[15]. Theo Đại Thanh hội điển đồ, quyển 122, tờ thứ 26, **sông nầy bắt nguồn từ những ngọn núi về phía Tây Bắc huyện Khâm Châu**.*
*Như thế, theo sử liệu của Trung Hoa, biên giới ngày xưa của hai nước Việt-Trung đi qua **núi Phân Mao thuộc động Cổ Sâm**, đi qua các cửa ải Ná Tô, Nhẫm Quân, Ná Long cuối **cùng theo (hay đi dọc theo) Thiếp Lãng Giang ra đến biển**.*
***Xác định lại đường biên giới này là xác định vị trí núi Phân Mao,** các cửa ải ghi trên và sông Thiếp Lãng trên các bản đồ hiện nay.*
*Tuy mục đích bài này là tìm hiểu biên giới lịch sử vùng Quảng Ninh, nhưng chỉ tập trung ở vùng cận biển, nơi có các đảo mà dân Việt sinh sống ở đó. Do đó công việc sẽ là **xác định vị trí của sông Thiếp Lãng. Sông này ở đâu?**"*

Trích dẫn đoạn dịch về sông Thiếp Lãng trong ĐTNTC (được ghi lại trong sách của Devéria, trang 4):

La rivière Tieh-lang kiang 貼浪港, à 240 *li* au sud-ouest de la sous-préfecture de Kin-tcheou; elle *borde la frontière annamite*. (I. T. T. liv. 348, f° 9.) Le Tieh-lang kiang sort des montagnes qui sont au nord-ouest de la sous-préfecture de Kin-tcheou. (H. T. liv. 122, f° 26.)

Đoạn dịch về sông Thiếp Lãng trong sách BGVT của tác giả TNT, trang 80:

"*Dòng Thiếp Lãng Giang 貼朗江, cách Khâm Châu 240 dặm, chảy theo đường biên giới Việt Nam (ĐTNTC, sđd, q 348, tờ thứ 9). Sông này bắt nguồn từ những ngọn núi về **phía tây bắc** huyện Khâm Châu (Đại Thanh Hội Điển Đồ 大清會典圖, viết tắt ĐTTHĐĐ, quyển 122, tờ thứ 26)…. "*

Trong sách của ông Devéria, những bản đồ (số 4 và số 2) của các nhà truyền giáo đã vẽ sông Thiếp Lãng (*Tieh-lang F.*) ở phía tây Khâm Châu.

Bản đồ số 4 của các nhà truyền giáo ghi lại các sông và địa danh theo thứ tự từ tây qua đông:

- An Nam giang (Ngan-nan kiang)* nằm trên đường biên giới Việt-Trung
  * Vị trí sông này **khác** với bản đồ "*CARTE DU TONG-KING par F. Romanet du Caillaud 1879*".
- Thiếp Lãng giang (Tieh-lang kiang).
  Phòng Thành giang (*Fang-tch'eng kiang* -trong bản đồ số 1 của các nhà truyền giáo)
- Mũi Bạch Long (Pak-long)
- Sông Ngư Châu (Yu-tcheou)
- Sông Phượng Hoàng (Fong-hoang Fl.)
- Ngư Hồng giang (Yu-hong kiang), nối tiếp với sông từ phía bắc là
- Sông Đoàn Lãng (Touan-lang kiang)
- Khâm Châu (Kin-tcheou)

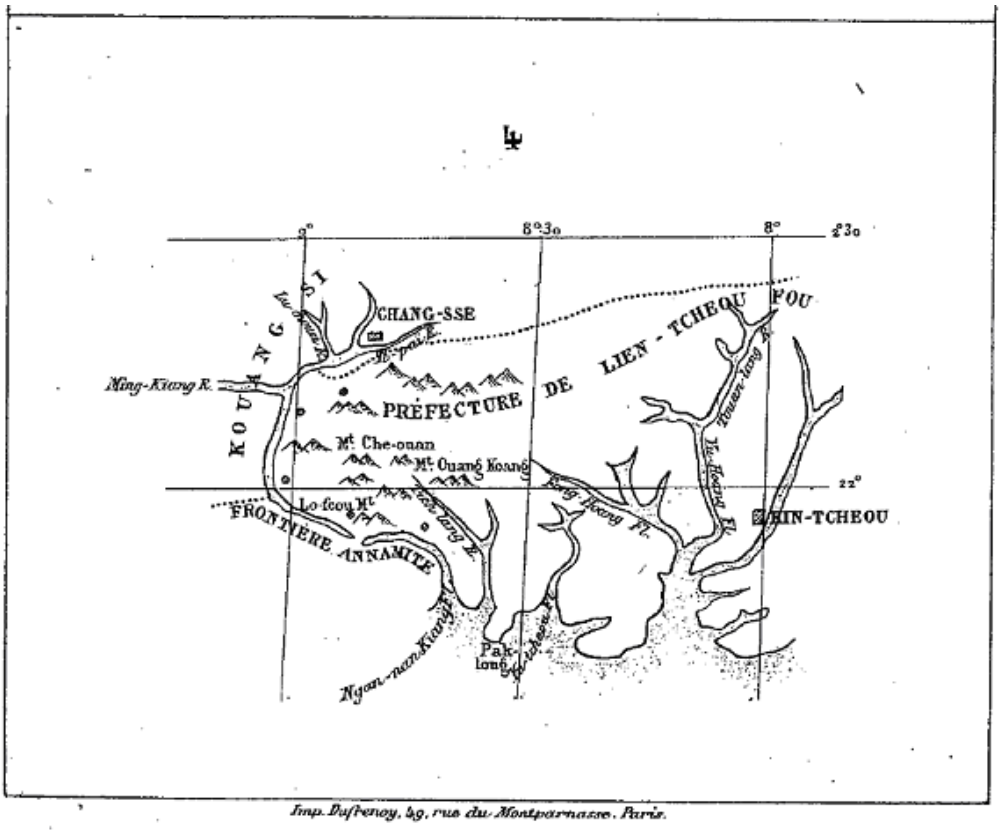

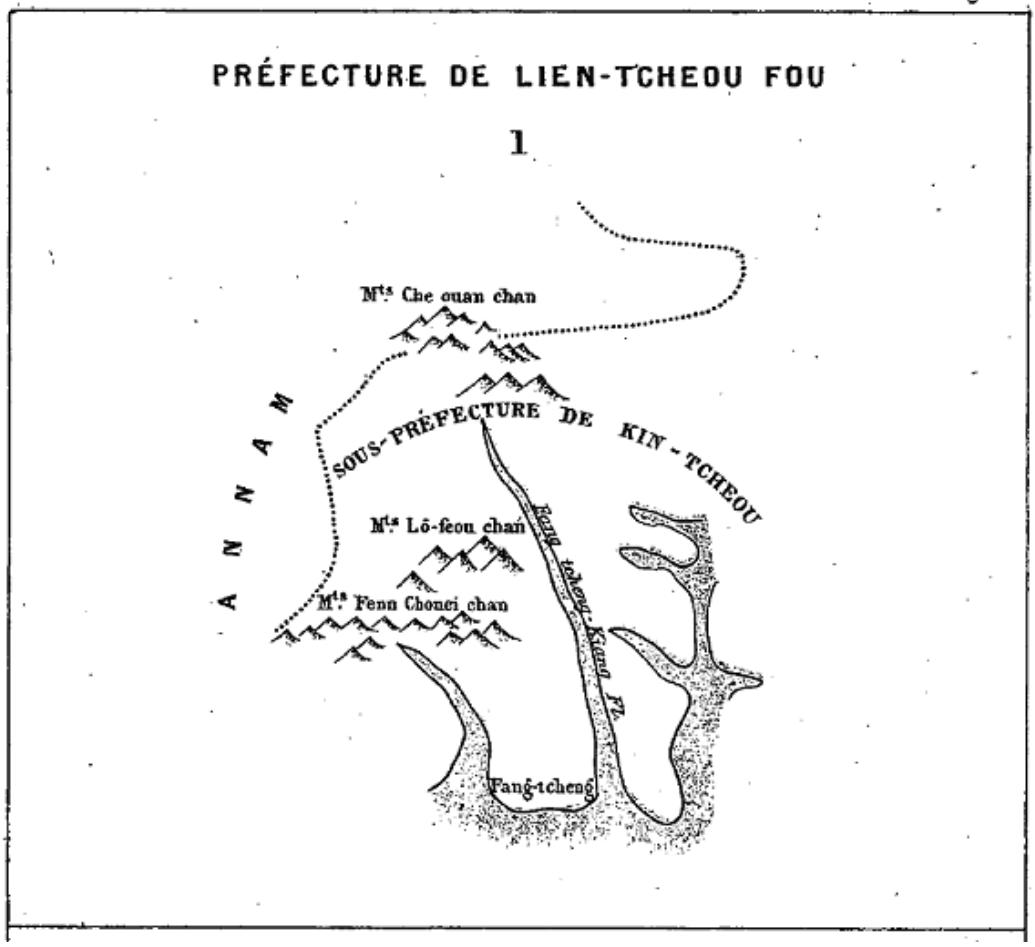

Hai bản đồ (số 4 và số 1) trong sách "La Frontière Sino-Annamite", của Devéria.

Trước khi tìm hiểu vị trí của sông Thiếp Lãng, người viết xin so sánh vị trí các sông trong ĐTNTC (trong bản dịch của ông Devéria) với sách **"*Độc sử phương dư kỷ yếu* (*ĐSPDKY*)**" của Cố Tổ Vũ (Gu Zuyu (1631 - 1692) viết về địa dư Trung Hoa **thời nhà Minh** mà ĐTNTC đã tham khảo.

a- Sông Ngư Hồng

ĐTNTC: Ngư Hồng giang phát xuất từ những ngọn núi phía tây bắc Khâm châu và chảy ra biển[46].

46

Le fleuve Yu-hong kiang 漁洪江; il sort des montagnes qui sont au nord-ouest de la sous-préfecture de Kin-tcheou et se jette dans la mer.

ĐSPDKY: *"... Lại có sông Ngư Hồng, ở cách phía tây (châu Khâm) hai mươi dặm (~4km), phát nguyên từ núi An Kinh."*[47]
Sông Ngư Hồng được diễn tả trong hai bộ sách này không có điều gì mâu thuẫn.

b - Sông Phượng Hoàng

ĐTNTC: "*Sông Phượng Hoàng cách châu Khâm 30 dặm (~6km), phát nguyên từ rặng Mạt Mặc sơn, sông này chảy vào sông Ngư Hồng*"[48]
ĐSPDKY: *"Phía tây châu Khâm 30 dặm (~6km) có sông Phượng Hoàng, chảy vào sông Ngư Hồng"* [49]
Sông Ngư Hồng trong hai bộ sách này đã có sự tương đồng cả về khoảng cách lẫn địa thế .

Tra cứu trên bản đồ ngày nay cũng như hình chụp từ vệ tinh của Google Earth, **sông Ngư Hồng chính là sông Mao Lĩnh ngày nay**. Nhánh sông phía tây chảy vào sông Mao Lĩnh gần với vùng sông mở rộng chảy ra biển là sông Phượng Hoàng.

c- Sông Ná Lãng

ĐTNTC: "*Sông Ná Lãng ở phía tây nam của châu Khâm 180 dặm*" [50]
ĐSPDKY: không thấy sách này viết về sông Ná Lãng.

Nhận xét: từ phía nam sông Phòng Thành đến biên giới Việt Nam ngày nay, theo như bản đồ "*Đông Hưng thị*" [51]; rất nhiều làng, bản có địa danh với chữ "Ná - 那" phía trước như Ná Thoa, Ná Cần v.v… , mà phía đông và đông bắc của sông Ngư Châu (đoạn sông Phòng Thành chảy về phía nam ra biển); không một địa danh nào có chữ "Ná". Sông Ná Lãng với chữ "Ná" có lẽ cùng trong nhóm địa danh với chữ "Ná", **phỏng đoán sông này nằm phía tây của sông Ngư Châu.** Theo như ĐTNTC viết về khoảng cách từ Khâm châu; thì sông Ná Lãng là sông Giang Bình, chảy qua thị xã Giang Bình. **Phỏng định sông Ná Lãng là sông Giang Bình ngày nay**.

---

[47] *Hựu Ngư Hồng giang, tại châu tây nhị thập lý, xuất tây bắc An Kinh sơn chi dương.*
又渔洪江，在州西二十里，出西北安京山之阳。
An Kinh sơn ở An Kinh huyện . An Kinh huyện là tên của Khâm châu thời nhà Tùy

[48]

Le fleuve Fong-hoang 鳳凰洲 à 30 *li* de la sous-préfecture de Kin-tcheou; il prend sa source dans la montagne Mo-moh chan; il afflue dans le Yu-hong kiang. (I. T. T. liv. 348, f° 9.)

[49] Châu tây tam thập lý hựu hữu Phượng Hoàng giang, lưu hội Ngư Hồng giang.
州西三十里又有凤凰江，流会鱼洪江

[50]

La rivière Na-lang 那浪港 à 180 *li* au sud-ouest de la sous-préfecture de Kin-tcheou. (ubi sup.)

[51] Nguồn: http://www.kemap.net/map/UploadPic/2008-3/200831011214084434.jpg

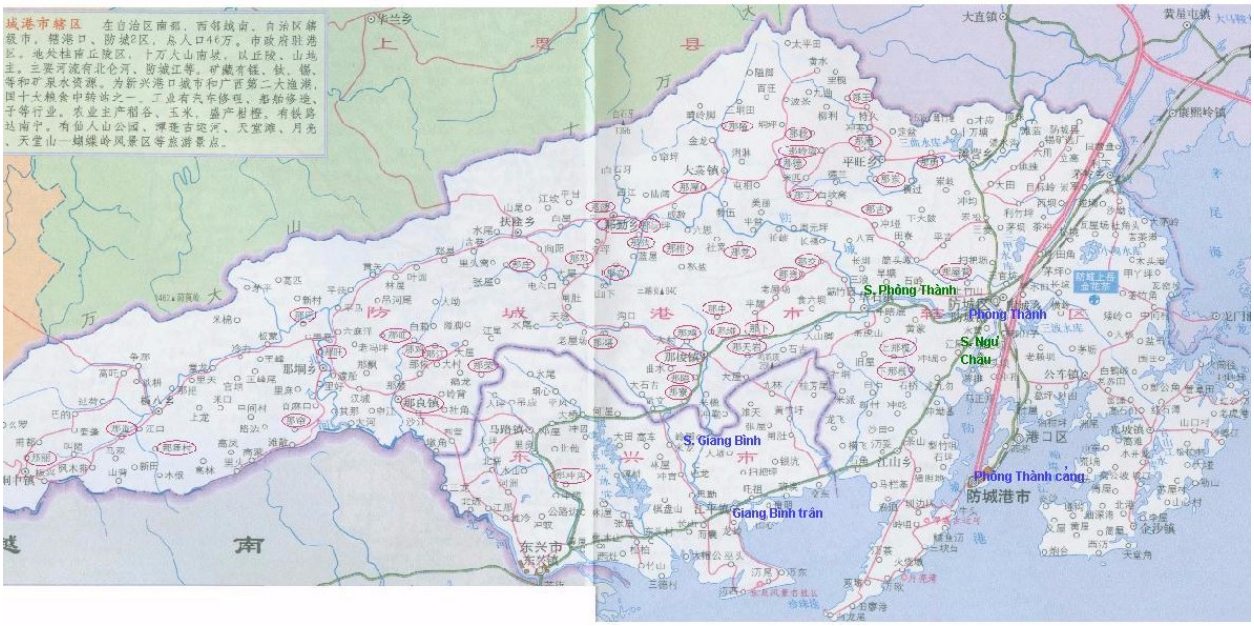

Bản đồ "Đông Hưng thị" với những địa danh có chữ "Ná" (那) phía trước
(Hình bầu dục bao quanh những địa danh này được ghi thêm bởi người viết)

d- Sông Đoàn Lãng

ĐTNTC: "*Sông Đoàn Lãng ở phía tây bắc của Khâm châu 60 dặm (~12km),* ***bắt nguồn từ rặng Ba Dương lĩnh*** *(rặng Thập Vạn sơn- Che-ouan chan- là một chi nhánh) (?)"* [52]

Sách của ông Devéria viết là rặng Thập Vạn sơn là một nhánh (ramification) của rặng Bà Dương Lĩnh (Pa-yang ling 琶羊嶺) kế phía tây châu Tư Lăng (Sse-ling tcheou).

ĐSPDKY: không thấy sách này viết về sông Đoàn Lãng cũng như rặng Bà Dương lĩnh

Bản đồ tỉnh Quảng Tây ngày nay không thấy có Bà Dương lĩnh, chỉ có rặng Đô Dương sơn (都阳山), phía tây bắc của rặng Thập Vạn Đại sơn (hợp với sự diễn tả). Câu hỏi đặt ra là có phải Đô Dương sơn là Bà Dương lĩnh được nhắc tới trong sách này vì có vị trí tương tự?

Sông Đoàn Lãng trong bản đồ của các nhà truyền giáo vẽ là sông từ phía bắc chảy nào sông Ngư Hồng (sông Mao Lĩnh ngày nay). Tra cứu trên bản đồ ngày nay cũng như hình chụp từ vệ tinh của Google Earth, chúng ta thấy có sự phù hợp. Đây là sông Đoàn Lãng, sông này phát nguyên từ phía tây bắc châu Khâm.

52

La rivière Touan-lang kiang 團浪江, à 60 *li* au nord-ouest de la sous-préfecture de Kin-tcheou, elle prend sa source dans les monts Pa-yang ling (ramification des monts Che-ouan chan.)

e- Sông Phòng Thành

Như đã trình bày trong phần trước, **sông Phòng Thành là sông Cổ Sâm**, **là ranh giới Việt-Trung thời nhà Thanh**. Sông Phòng Thành vẫn còn tên trong bản đồ ngày nay.

f- Sông Ngư Châu

ĐTNTC: "*Con sông kế bên, phía đông của sông Thiếp Lãng, gọi là sông Ngư Châu 漁洲. Cả hai sông Ngư Châu và Thiếp Lãng đều theo hướng nam chảy ra biển (ĐTTHĐĐ, sđd, q 122, tờ 26)."*

ĐSPDKY: không thấy sách này viết về sông Ngư Châu.

Sông Ngư Châu đã được ghi lại trong hai bản đồ của các nhà truyền giáo (số 2 và số 4, sách của Devéria). Cửa sông Ngư Châu nằm phía tây kế bên cửa sông Phượng Hoàng. Đặc biệt trong bản đồ số 4, cửa sông Ngư Châu nằm phía đông của bán đảo Bạch Long, đây là cửa sông Phòng Thành, đoạn chảy từ thị trấn Phòng Thành về phía nam ra biển. Vậy có thể **phỏng đoán:** đoạn sông này là sông Ngư Châu.

g- Sông Thiếp Lãng với vị trí nhận định 丐

Một số các con sông được ghi lại trong bản đồ của các nhà truyền giáo (trong sách của ông Deveria) với vị trí đã tạm được nhận định. Tuy nhiên, vị trí sông Thiếp Lãng, người viết **nghi ngờ là tên của sông này đã bị đưa vào vị trí khác**, về phía tây nam của châu Khâm 240 dặm, nằm kế lãnh thổ Việt Nam thời nhà Thanh, so sánh với khoảng cách từ châu Khâm: "*Dòng Thiếp Lãng Giang 貼朗江, cách Khâm Châu 240 dặm, chảy theo đường biên giới Việt Nam"* . Vì thế câu viết "*Con sông kế bên, phía đông của sông Thiếp Lãng, gọi là sông Ngư Châu"* cần phải được xét lại!

Nhận xét về vị trí sông Thiếp Lãng qua những tra cứu đã trình bày:
- Trước biến cố dâng / trả/nộp (?) đất của Mạc Đăng Dung cho nhà Minh (năm 1540) [53] [hai đô Như Tích và Thiếp Lãng cùng 4 động Cổ Sâm, Liễu Cát, La Phù (Tê Phù) và Tư lặc (Kim Lặc)], biên giới Việt Nam trước sự kiện phải nằm bên ngoài vùng đất này**. Sông Thiếp Lãng là đường biên giới; phải nằm tiếp giáp với vùng đất đã dâng/trả (?) và châu Khâm.**

- Theo như bản đồ, những con sông trong vùng đất từ phía tây bắc đến tây nam của châu Khâm đã được nhận định, ngoại trừ con **sông phía tây bắc của châu Khâm chảy vào sông Ngư Hồng** và một con sông ở phía tây nam của châu Khâm là **sông Bắc Luân -** nằm trên đường biên giới Việt Nam ngày nay là chưa có tên thời cổ. So sánh với vị trí các động đã tra cứu, sông Bắc Luân không thể ở phía đông bắc (đường biên giới) của các động này vì vị trí đối nghịch. **Sông Bắc Luân không phải là sông Thiếp Lãng!**

---

[53] Lịch triều hiến chương, phần Bang giao chí đã trích lời trong tờ biểu nhà Mạc dâng vua Minh năm 1540 : "*còn như việc quan thú Khâm Châu thuộc Quảng Đông tâu rằng bốn động **Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát** thuộc **hai đô Như Tích và Thiếp Lãng** là đất cũ của Khâm Châu, Quảng Đông, nếu quả thực như lời ấy thì đó lại là cái lỗi mạo nhận của họ Lê trước, nay thần xin trao trả lại để thuộc về Khâm Châu*"

<u>Vị trí sông Thiếp Lãng</u>: từ những **nhận xét** trên một **nhận định** được đưa ra như sau:

Sông Thiếp Lãng là sông ở phía tây bắc của châu Khâm, phía bắc của sông Phượng Hoàng, phía tây của sông Đoàn Lãng. Sông Thiếp Lãng - nằm kế phía bắc của động Thiếp Lãng - chảy vào sông Ngư Hồng (Sông Mao Lĩnh ngày nay).

<u>Sông Thiếp Lãng là đường biên giới Việt Nam và châu Khâm từ khi vừa chấm dứt Minh thuộc</u>, sau khi các động (6 động) do Hoàng Kim Quảng làm thủ lãnh đã xin hội nhập vào lãnh thổ Việt Nam năm 1427 (năm Đại Việt lấy lại nền độc lập, kết thúc Minh thuộc) với các ải Ná Tô, Nhẫm Quân và Ná Long nằm dọc theo sông. Các cửa ải đã bị phế (ĐSPDKY). Sau năm 1540, đường biên giới đã lui về phía tây nam đến sông Phòng Thành là sông Cổ Sâm (sông An Nam theo như bản đồ năm 1879 của Frédéric Romanet du Caillaud)

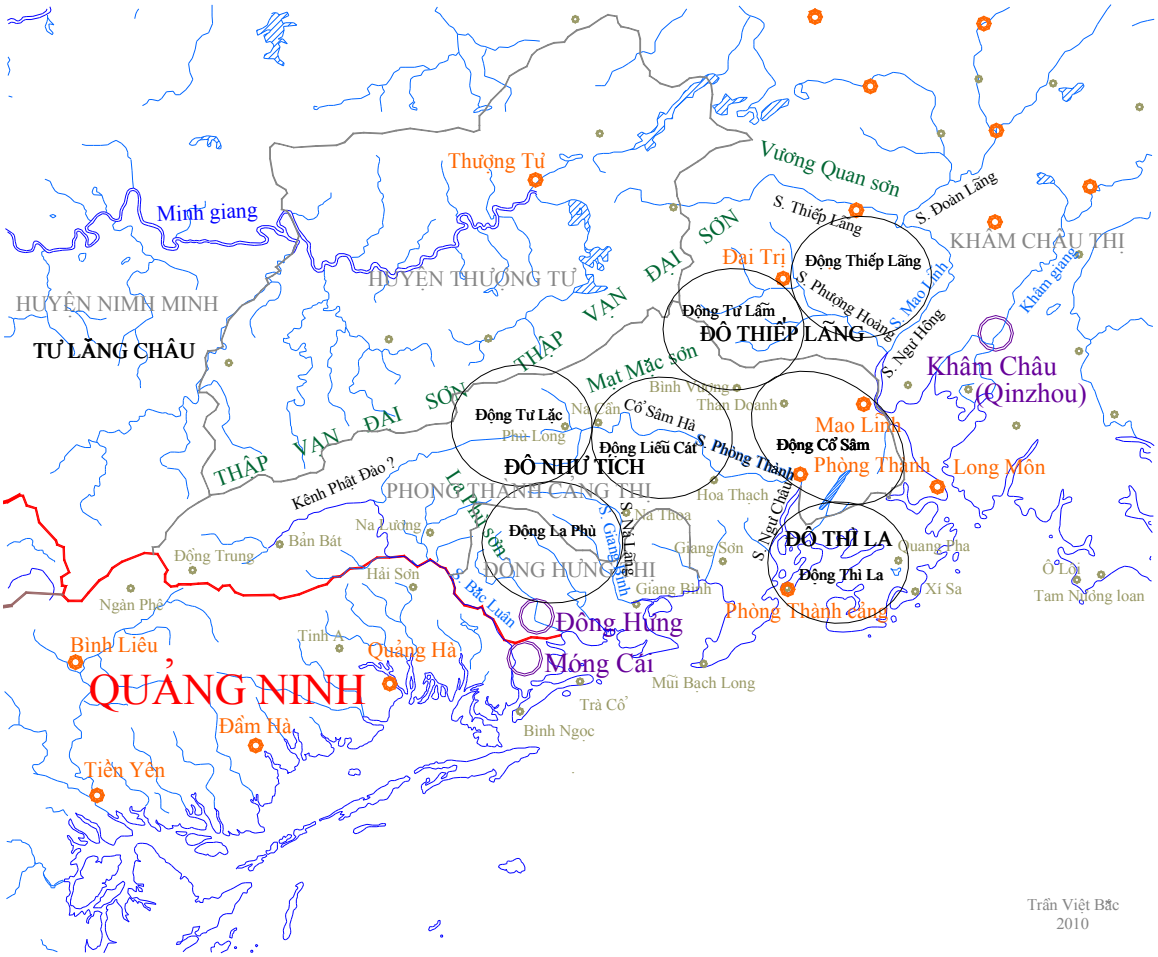

Nhận định vị trí bảy động
Thiếp (Chiêm) Lãng, Tư Lẫm, Cổ Sâm, Liễu Cát , Tư (Kim) Lặc, La Phù và Thì (Thời) La cùng các sông
Thiếp Lãng, Đoàn Lãng, Phượng Hoàng, Ngư Hồng, Cổ Sâm, Ngư Châu và Ná Lãng

<u>Nhận xét số 6</u>: theo như những tìm hiểu về các địa danh đã trình bày, người viết có nhận định như sau về **biên giới Việt Nam vùng tỉnh Quảng Ninh với châu Khâm:**
-Thời Hậu Lê là <u>sông Thiếp Lãng</u>.

- Sau biến cố Mạc Đăng Dung, biên giới <u>là sông Cổ Sâm</u> (sông Phòng Thành ngày nay).

Vị trí sông **Thiếp Lãng** đã được nêu lên, tuy nhiên vị trí sông **Ná Lãng** lại gây nên vấn đề về sự liên tục của lãnh thổ Việt Nam. Vấn đề này đã do sự kiện **"l'enclave Pak-lung"** như sau:

Sông Ná Lãng, một con sông thuộc về châu Khâm (Trung Hoa), ở về phía tây nam của châu Khâm 180 dặm (~ 85km) theo như ĐTNTC? Sự việc được giải thích là **lãnh thổ Việt Nam đã bị "ngắt quãng" bởi một vùng đất của Trung Hoa "xen kẽ"** sau khi Mạc Đăng Dung dâng/trả/nộp (?) 6 động cho nhà Minh. Vùng lãnh thổ của Việt Nam bị tách ra khỏi lãnh thổ chính và bị "*lọt vào trong (l'enclave)*" lãnh thổ của Trung Quốc **đã được** tác giả TNT trình bày như trong bài viết của ông của (đã nêu lên ở phần đầu mục này). Người viết chỉ xin sao lại bản đồ; để chúng ta có thể mường tượng một cách dễ dàng hơn về vùng đất này; mà ngày nay đã thuộc về Trung Quốc qua hiệp ước phân định biên giới Pháp- Trung năm 1887.

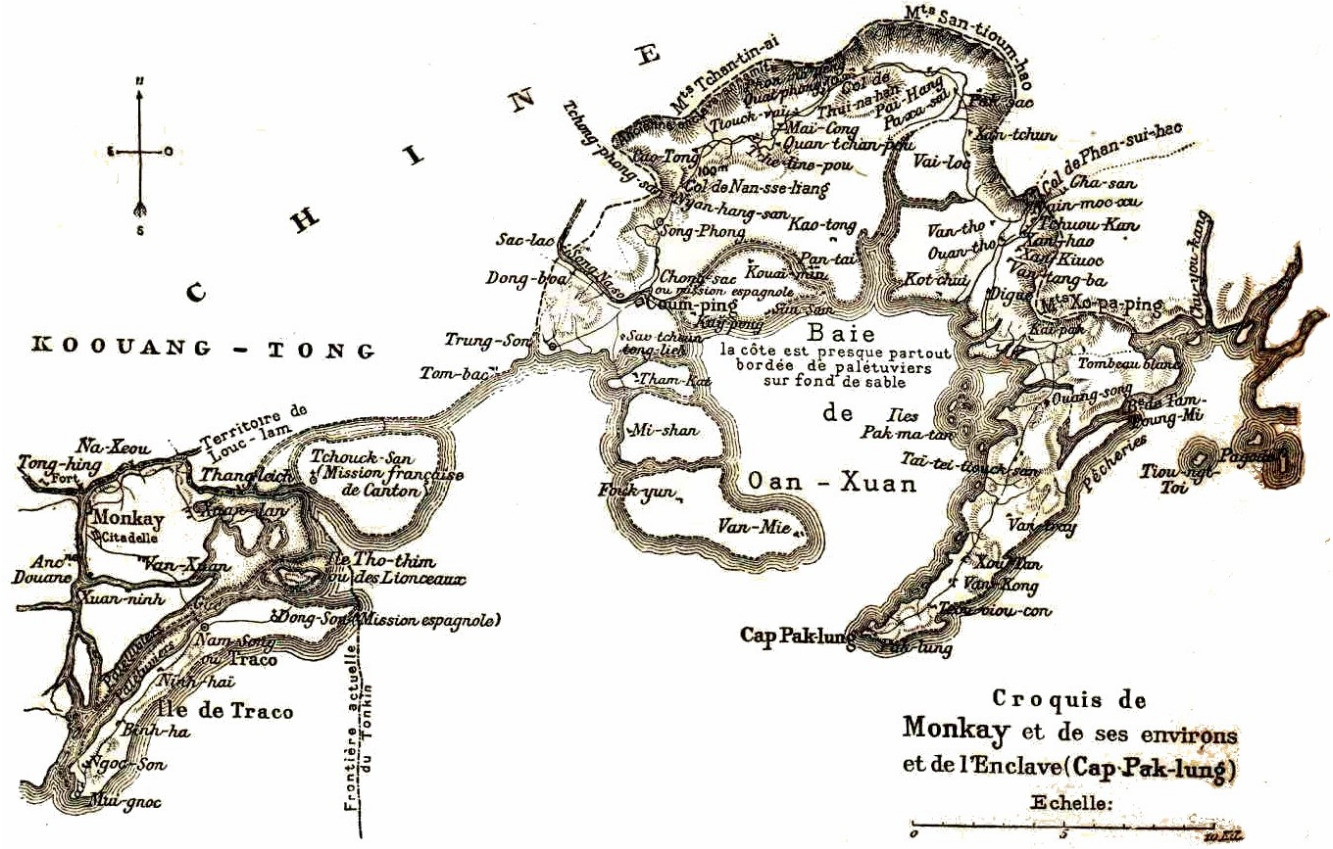

Bản đồ "l'Enclave (Cap-Pak-lung) [54]

Ghi chú: sông Ná Lãng hay sông Giang Bình là "*Song-Naso*" chảy qua Cương Bình (*Coum-ping*, Giang Bình ngày nay) trong bản đồ trên.

[54] Nguồn (với độ phân giải cao): http://vi.wikipidia.org/wiki/T% E1%BA%ADp_tin:Paklung413.jpg

Sau hiệp định biên giới 1887, người Việt ở ba đảo Sơn Tâm (Shanxin), Vu Đầu (Wutou) và Vạn Vĩ (Wanwei) đã trở thành những kẻ bị tách rời khỏi tổ quốc của họ. Những người này đã trở thành nhóm thiểu số ở Trung Quốc - "dân tộc Kinh". Ngày nay khoảng 20 ngàn người Việt bị gọi là "dân tộc Kinh" đang sinh sống ở vùng này!

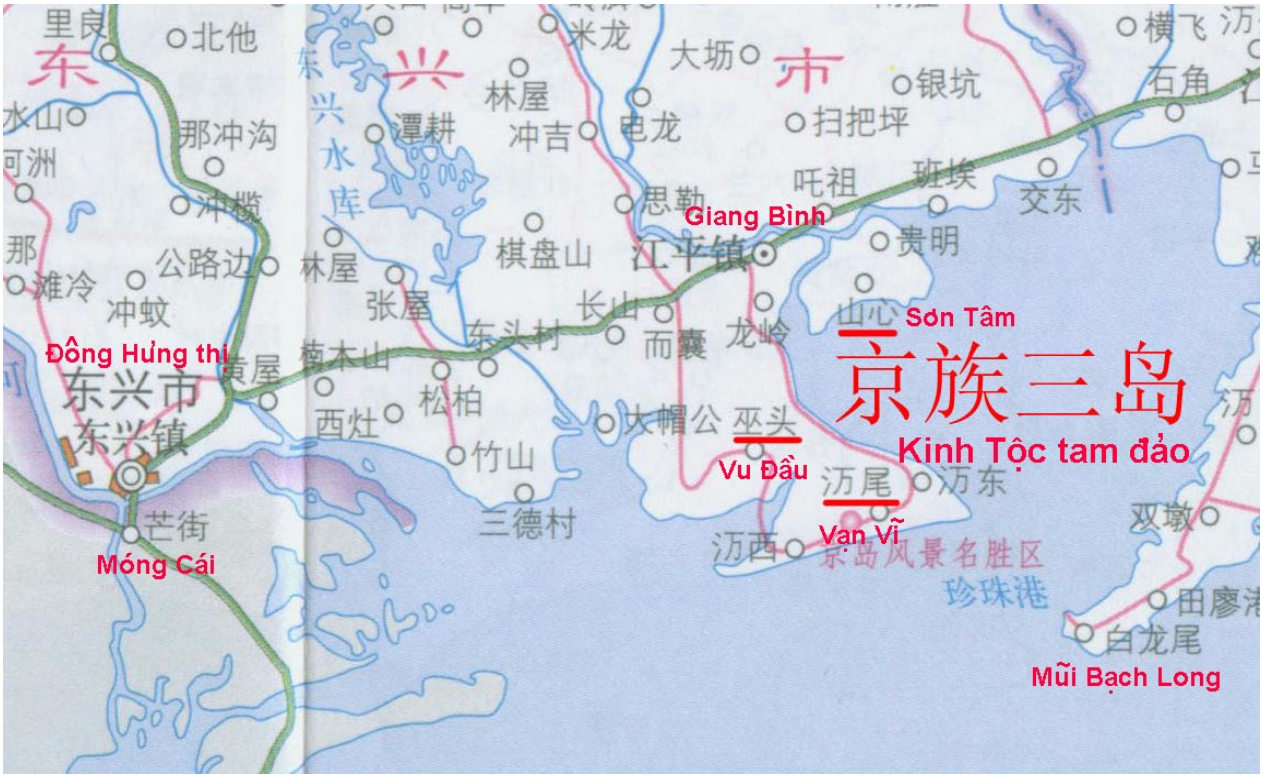

Ba "làng" người Việt ("Kinh tộc") trong lãnh thổ Trung Quốc: Sơn Tâm, Vu Đầu và Vạn Vĩ[55]
(Địa danh tiếng Việt do người viết ghi thêm)

5- Núi Phân Mao

Theo như những trích dẫn các tài liệu trong phần trước, chúng ta biết núi Phân Mao ở động Cổ Sâm. Theo truyền thuyết (?), nơi đây có cột đồng Mã Viện. "***Tương truyền (cột đồng) ở về động Cổ Sâm châu Khâm,*** *Mã Viện có thề rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", nghĩa là "Cột đồng ấy gãy thì Giao Chỉ bị diệt", nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đống cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gẫy" (KĐVSTGCM).* Tuy nhiên câu viết trong KĐVSTGCM cũng là câu chép lại của ĐTNTC (trong lời phê của KĐVSTGCM), như thế vấn đề lại như cũ; chúng ta không biết núi Phân Mao cách châu Khâm **3 dặm hay 300 dặm**!

Sách *"Độc Sử Phương dư kỳ yếu"* của Cố Tổ Vũ mà ĐTNTC tham đã tham chiếu viết về núi Phân Mao ra sao? Sách này cũng viết như ĐTNTC: "*núi Phân Mao về phía tây nam 360 dặm là*

[55]Nguồn: một phần của bản đồ http://www.fyjs.cn/bbs/attachments/Mon_0902/169_19399_3ba8ce5ed46ae44.jpg

biên giới của Giao Chỉ" [56]. Tuy nhiên; tài liệu này người viết "sao (copy)" lại từ "internet", việc thay đổi khoảng cách (có chủ ý!?) rất có thể xảy ra; dù đây chỉ là sự ước đoán (?).
Chúng ta lại phải truy tầm "*tài liệu bổ túc*" khác; để hy vọng có chút manh mối. Người viết đã truy cập được một tài liệu của " *Quảng Tây văn sử nghiên cứu quán*":

a- "Quảng Tây biên giới thoại đồng trụ" [57]

Trong bài viết "***Kim thạch bi kiệt*** - *Quảng Tây biên giới thoại đồng trụ*"của Hoàng Gia Phiên trong "*Hợp Phố huyện chí - Văn nghệ chí*" đã đề cập đến một tài liệu cổ nói về các địa danh Thiếp Lãng (贴浪), Cổ Sâm (古森) và **Phân Mao** như sau:
Lược dịch [58] :
" *Thời Càn Long (1711 - 1799) nhà Thanh đã có câu hỏi về vấn đề (cột đồng) , đó là việc tri phủ Liêm châu Chu Thạc Huân viết một tư liệu về việc cửa quan "cột đồng* ***Phân Mao****" mà ông ta đã giảo nghiệm một cách tường tận: Một tảng "kim thạch" ở quận Liêm, nói về cột đồng Mã Viện (Phục Ba) một cách rõ ràng. Cột này toạ lạc tại Khâm Châu, ở phía tây động* ***Thiếp Lãng*** *(贴浪) và* ***Cổ Sâm*** [59]. *Sau khi tướng Phục Ba nhà Hán mang quân chiếm Giao Chỉ, ông ta đã dựng cột đồng để định* ***cương giới nhà Hán, cũng là ranh giới quận Hợp Phố thời cổ****. Trên cột đồng viết: "đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", người Giao Chỉ sợ, lấy đất bồi thêm (vào chân cột). Thời nhà Minh, năm Vạn Lịch thứ 24 (1586), Đổng Triều Hội đã từng lên núi* ***Phân Mao*** *nhìn thấy cỏ mao trên đỉnh rễ hướng nam bắc, người Giao Chỉ năm này qua năm khác thêm đất vào chân cột đồng, nay không cao đến một trượng, chữ ghi phía trên chẳng thấy . Năm Sùng Trinh thứ 9 (1619), ở động* ***Thiếp Lãng****; viên tuần đạo là Trương Quốc Kinh sai động trưởng Hoàng Thủ Nhân điều tra về sự việc này.*"

---

[56] Phiên âm Hán Nôm: "Phân Mao lĩnh châu tây nam tam bách lục thập (360) lý, dữ Giao Chỉ phân giới".
Nguyên văn: " 分茅岭州西南三百六十里，与交趾分界。"

[57] Nguồn: www.bhlib.com/bhwenshi/13-06.doc

[58] Phiên âm Hán Nôm từ nguyên văn : *"Đáo liễu Thanh triều Càn Long niên vấn , Liêm châu tri phủ Chu Thạc Huân bút ký đề cung liễu hữu quan "Phân Mao đồng trụ " giảo vi tường tận đích tư liệu : "Liêm quận kim thạch , dĩ Phục Ba đồng trụ vi tối trứ . Trụ tại Khâm Châu trị tây* ***Thiếp Lãng*** *(贴浪)* ***Cổ Sâm*** *động (nguyên bản viết là 垌, phiên âm là "trợ", có lẽ đây là lỗi đả tự, phải là 洞, phiên âm là "động") , Hán Phục Ba tướng quân bình Giao Chỉ , lập đồng trụ dĩ biểu Hán giới , tức cổ Hợp Phố quận giới . Đề nhật 'đồng trụ chiết , Giao Chỉ diệt ' Giao nhân cụ , tuế dĩ thổ bồi chi . Minh Vạn Lịch nhị thập tứ niên , hữu* ***Thiếp Lãng*** *động, Đổng Triều Hội tằng chí Phân Mao lĩnh , thân kiến lĩnh thượng mao nam bắc phân phi , Giao nhân niên niên bồi thổ dĩ trụ , kim cao bất mãn trượng , trụ thượng tự tích mạc chí , Sùng Trinh cửu niên , tuần đạo Trương Quốc Kinh khiển động trưởng Hoàng Thủ Nhân phỏng đắc chi . " (Dân Quốc bản [Hợp Phố huyện chí •nghệ văn chí])*

[59] Nhận xét về địa danh Thiếp Lãng:

Thiếp Lãng trong ĐTNTC (in lại trong sách của Devéria) in lại là 貼 浪
Thiếp Lãng trong bài viết "Kim thạch bi kiệt" này là 贴浪

Chiêm Lãng trong các tài liệu tiếng Việt, nếu chuyển ngữ là 蛅 浪.
Người viết phỏng đoán các chữ này cùng viết hay nói về một vùng đất.

Thời điểm về sự việc ("*Chu Thạc Huân viết một tư liệu ...")* đã xảy ra trước khi ĐTNTC chính thức hoàn tất. Đoạn văn viết về vị trí "cột đồng Phân mao" đã không nêu rõ khoảng cách, tuy nhiên "*dựng cột đồng để định* ***cương giới nhà Hán, cũng là ranh giới quận Hợp Phố thời cổ"*****,** quận Hợp Phố cũng là Liêm châu; chưa bao giờ trải dài đến ranh giới tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Hơn nữa, nếu sai động trưởng Thiếp Lãng đi điều tra về việc này thì **phỏng đoán** núi Phân Mao gần động Thiếp Lãng, không phải là 360 dặm như "Độc Sử Phương dư kỳ yếu"; hay một bản dịch nào đó nói về khoảng cách châu Khâm đến Phân Mao là 300 dặm (nội địa Việt nam!) theo ĐTNTC! Nếu không phải là 300 hay 360 dặm; thì bản dịch trong ĐNamNTC hợp lý hơn về khoảng cách: 3 dặm (khoảng 1.5km)! **Quá gần?** Phần sau người viết sẽ trình bày thêm về khoảng cách "3 dặm" này.

Từ tài liệu này, người viết có nhận xét sau:

Nhận xét số 7: theo như tài liệu này thì Phân Mao lĩnh tọa lạc kế bên ranh giới phía tây của châu Khâm, là ranh giới huyện Hợp Phố thời cổ, gần hai động Thiếp Lãng và Cổ Sâm (2 động). Những động này đã được tra cứu trong phần trước.
Suy đoán ra Phân Mao Lĩnh là một rặng núi kéo dài kế bên phía tây hai động Thiếp Lãng và Cổ Sâm theo hướng tây nam đến đông bắc.

Đây chỉ là một suy đoán qua tài liệu không có tính cách xác định (địa dư thời cổ gần như không có tài liệu nào có tính cách xác định như ngày nay). Cần phải có những sự suy đoán khác để hỗ trợ cho vấn đề này hầu có thể đưa đến một nhận định hợp lý.

b- Núi Phân Mao qua những địa danh trên bản đồ ngày nay

Tìm hiểu về chữ "Phân Mao lĩnh - theo Hán tự 分茅岭":

Phân: Chia

Mao: Cỏ tranh (dùng lợp nhà), tên khoa học "imperata cylindrica"[60], mọc hoang khắp Đông Nam Á châu

Lĩnh (lãnh) : đỉnh núi, dải núi (rặng núi)

Những địa danh (thôn, làng, bản, v. v...) có chữ "mao"tại Phòng Thành Cảng thị ngày nay:

Mao Lĩnh hương（茅岭乡）

Đại Mao Lĩnh (大茅岭)

Mao Bình (茅坪)

Mao Lĩnh giang (茅岭江)

Mao Lịch (茅坜)

Mao Bối (茅贝)

Mao Vĩ hải (茅尾海)

[60] Hình "mao thảo" hay cỏ tranh:
http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/8/85/JapaneseBloodGrass2.JPG/220px-JapaneseBloodGrass2.JPG

Trong bản đồ Phòng Thành và Đông Hưng, tên những địa phương với chữ "mao" này tập trung từ khoảng Phòng Thành đến phía tây nam châu Khâm. Có điều gì đặc biệt mà tên các làng bản này tập trung trong vùng khoảng 30 km từ phía bắc tới nam và khoảng 10 Km từ tây qua đông [61]. Cỏ tranh thường mọc thẳng, nếu cỏ ở những vùng núi này tự ngả ra hai hướng khác nhau "*phân mao*" theo như truyền tụng thì đây là một điều đặc biệt. Vậy có thể đây là vùng núi có tên là Phân Mao lĩnh như trong tài liệu cổ đã ghi chép, mà vì một lý do nào đó (với âm mưu truyền kiếp?), chữ "phân - 分″đã bị loại bỏ.

Vậy rặng núi Phân Mao, triền phía đông ở phía đông bắc nằm kế bên bờ sông Mao Lĩnh (sông Ngư Hồng cổ thời). Đoạn viết về vị trí châu Khâm trong bài viết này đã trình bày là "*rất có thể vị trí của châu Khâm theo các nhà truyền giáo đúng*", nếu đúng thì huyện đường Khâm châu nằm ở bờ bên kia sông Ngư Hồng, đối diện với Mao Lĩnh hương ngày nay và (rặng) **Phân Mao Lĩnh cách huyện đường Khâm châu 3 dặm là hợp lý** như bản dịch sách ĐTNTC trong sách ĐNNTC . Huyện đường châu Khâm có thể đã bị di chuyển vào sâu trong đất liền như vị trí ngày nay; vì phải đề phòng hải tặc tấn công (Nụy khấu thời Minh, rồi hải tặc thời nhà Thanh ?).

Qua việc bổ túc thêm cho nhận xét số 6 về vị trí của Phân Mao lĩnh, theo như những **tìm hiểu** về địa danh trên bản đồ vừa trình bày, cũng như tham khảo địa hình từ Google Earth. Người viết có nhận định như sau:

Nhận xét số 8: Phân Mao lĩnh là một rặng núi nhỏ, chiều dài khoảng 30 km, ở phía tây nam (khoảng 25 km) của thị trấn Khâm Châu (Qinzhou) ngày nay; theo chiều tây nam đến đông bắc. Rặng núi này trải dài từ phía đông (5km) của thị trấn Phòng Thành đến phía bắc của thị xã Mao Lĩnh hương (khoảng 10 km).

[61] Ngoại trừ một "làng, bản" có tên là "Mao Bình - 茅平", kế biên giới Việt Nam ngày nay, cách châu Khâm 115 km kế biên giới Việt Nam (cách Móng Cái khoảng 20Km về hướng tây bắc) không nằm chung với nhóm này.

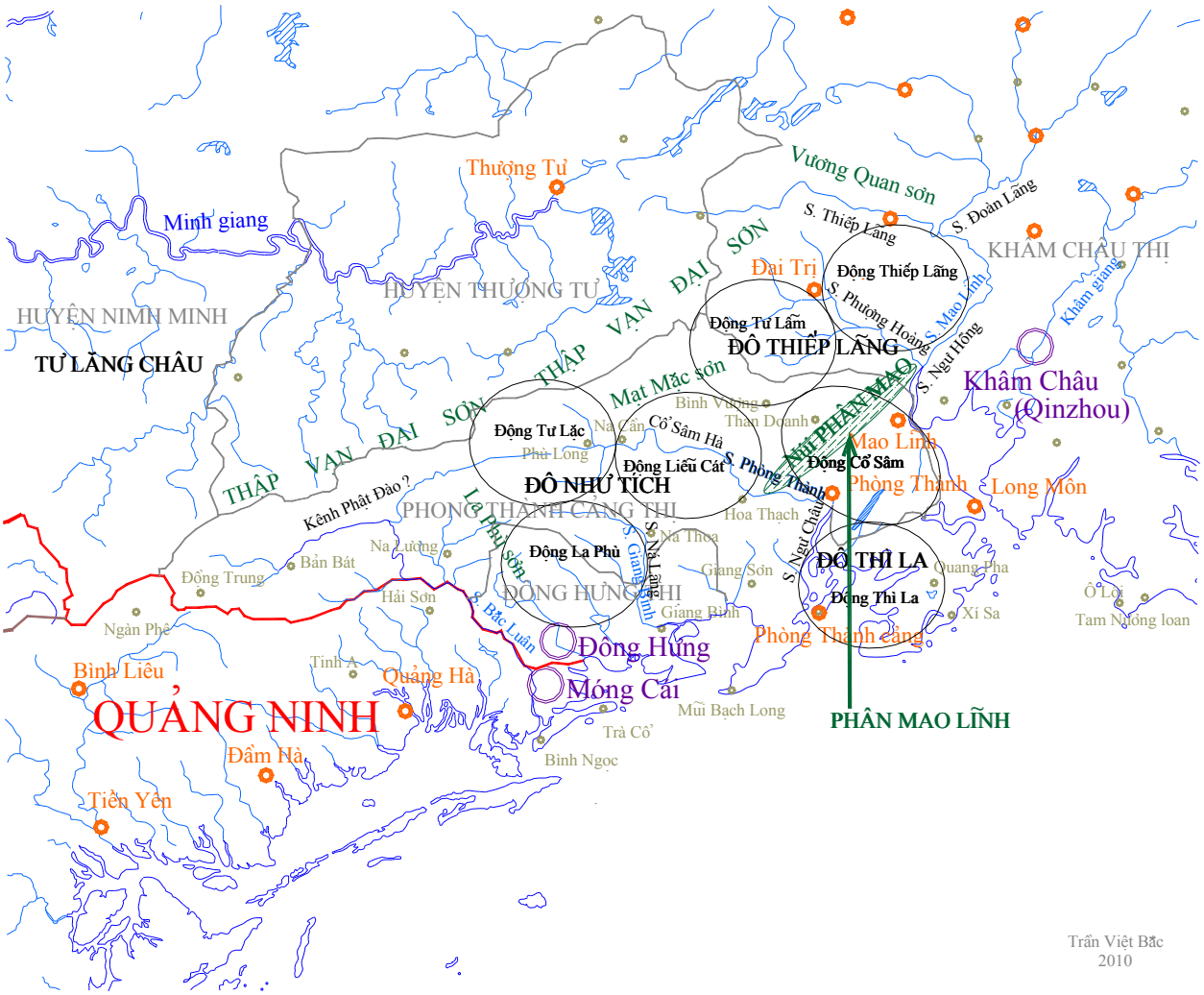

Nhận định vị trí núi Phân Mao và các sông:
Thiếp Lãng, Đoàn Lãng, Phượng Hoàng, Ngư Hồng, Cổ Sâm, Ngư Châu và Ná Lãng

6- Cột đồng với vị trí phỏng đoán

Người viết nghĩ là mình đã đi hơi xa về việc phỏng đoán vị trí cột đồng Mã Viện; nếu không muốn nói là liều lĩnh! Vấn đề về cột đồng Mã Viện đến nay gần như có tính cách truyền tụng. Cột đồng này có thực hay không? Phỏng đoán về một sự việc không có thật, là một sự hoang đường. Tuy nhiên; cột đồng của Mã Tổng thời Đường lại có tính cách tài liệu. Câu tuyên tụng "*đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*" không có bằng chứng ai là người ghi ra câu này? Mã Viện hay Mã Tổng? Chỉ biết "truyền tụng" kể lại là " *người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đống cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gẫy".*

Cột đồng ở núi Phân Mao! Sau khi đã có nhận định về vị trí núi Phân Mao thì vị trí cột đồng không thể không tra cứu! Dù biết là khó khăn và có vẻ hoang đường! Tuy nhiên, đặt căn bản trên câu trích dẫn trên, người viết xin phân tích, tìm hiểu và suy đoán thêm như sau:

Từ câu "*Người Việt đi qua dưới chân cột đồng*" ở thời điểm này:

-Địa hình cho thấy là khó vượt qua Phân Mao Lĩnh dù không cao (100 -200m) nhưng hiểm trở.
-Cột đồng dựng ở chỗ để có thể dễ nhìn thấy từ xa.
-Cột đồng ở núi Phân Mao
-Cột đồng ở động Cổ Sâm
-Cột đồng ở triền núi phía đông nơi có đường bộ
-Nơi đây có khá nhiều người qua lại,
-Đây là con đường trao đổi hàng hóa giữa các động.
-Dọc theo đường này có một con sông nhỏ (không tên), tiện cho thuyền bè nhỏ.
-Tại thị trấn Phòng Thành ngày nay, có lẽ dân chúng đã tụ tập tại đây từ cổ thời.

<u>Nhận xét số 9</u>: Qua những nhận xét trên và kiểm lại địa hình trong Google Earth; người viết <u>phỏng đoán</u> là cột đồng của Mã Viện (nếu có) hay của Mã Tổng dựng <u>có lẽ</u> ở gần phía đông bắc của thị trấn Phòng Thành ngày nay (động Cổ Sâm).

Vị trí phỏng định này đặt căn bản từ những nhận định về động Cổ Sâm và núi Phân Mao. Nếu những nhận định này sai lầm hay thiếu sót thì vị trí phỏng đoán về cột đồng phải bị loại bỏ.

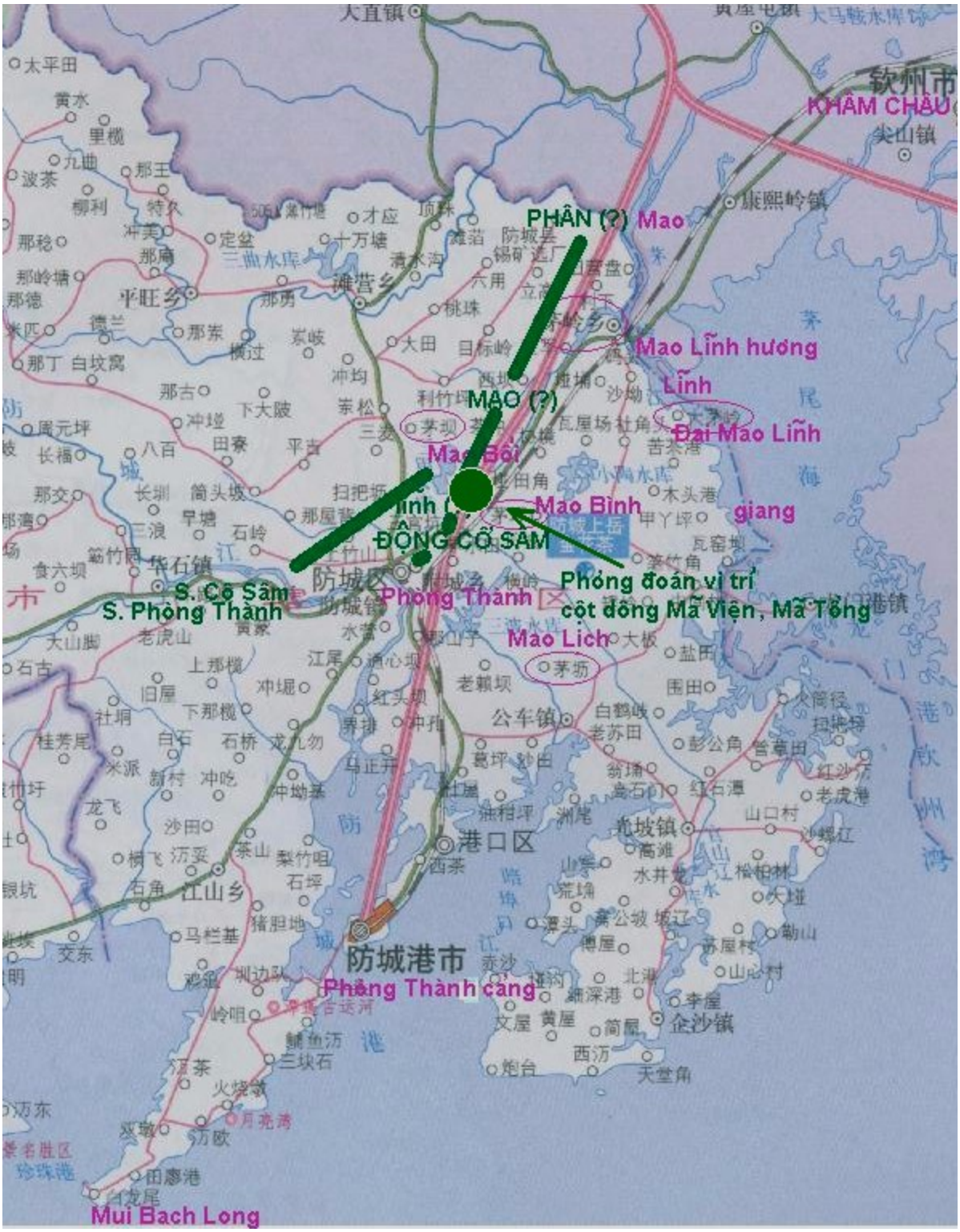

Nhận định vị trí núi Phân Mao và phỏng đoán vị trí cột đồng
Bản đồ từ Internet [62], phiên âm Hán Nôm và ghi chú do người viết ghi thêm

[62] Nguồn: "http://www.kemap.net/map/UploadPic/2008-3/200831011214084434.jpg

Nhận định vị trí núi Phân Mao và phỏng đoán vị trí cột đồng
Bản đồ từ Google Earth, các địa danh và ghi chú do người viết ghi thêm

(Còn tiếp)